PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26/2012/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2012*

THÔNG TƯ
Ban hành Danh mục tạm thời thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm được phép lưu hành tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008;

Căn cứ Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/02/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Chăn nuôi,

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục tạm thời thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm được phép lưu hành tại Việt Nam như sau:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này:

Danh mục tạm thời thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm được phép lưu hành tại Việt Nam, bao gồm:

1. Danh mục thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm sản xuất trong nước;

2. Danh mục thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhập khẩu, bao gồm:

a) Thức ăn chăn nuôi đã có Quy chuẩn kỹ thuật;

b) Thức ăn chăn nuôi chưa có Quy chuẩn kỹ thuật, bao gồm:

- Thức ăn chăn nuôi nhập khẩu theo nguồn gốc xuất xứ;

- Thức ăn chăn nuôi nhập khẩu không phân biệt nguồn gốc xuất xứ.

Điều 2. Thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhập khẩu phải thực hiện kiểm tra chất lượng theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/02/2010 của Chính phủ về quản lý

thức ăn chăn nuôi và Điều 2 Thông tư số 50/2009/TT-BNNPTNT ngày 18/8/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 90/2006/QĐ-BNN ngày 02/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi được nhập khẩu vào Việt Nam; Quyết định số 65/2007/QĐ-BNN ngày 03/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục bổ sung thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi được nhập khẩu vào Việt Nam; Quyết định số 88/2008/QĐ-BNN ngày 22/8/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi nhập khẩu vào Việt Nam theo mã số HS.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Chăn nuôi, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Diệp Kỉnh Tần

DANH MỤC TẠM THỜI THỨC ĂN CHĂN NUÔI GIA SÚC, GIA CẦM SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

1. DANH MỤC TẠM THỜI THỨC ĂN CHĂN NUÔI GIA SÚC, GIA CẦM SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2012/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 6 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang - Xí nghiệp Thức ăn chăn nuôi Thủy sản Địa chỉ: Quốc lộ 91, phường Mỹ Thạnh, Tp. Long Xuyên, An Giang Điện thoại: 076.3831540/3831302; Fax: 076.3831230			
1	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con từ 7 ngày tuổi - 15kg	A01	01:2011/AFIEX.AG	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 15kg đến 30kg	A02	02:2011/AFIEX.AG	
3	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 30kg đến 60kg	A03	03:2011/AFIEX.AG	
4	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo nái nuôi con	A04	04:2011/AFIEX.AG	
5	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo nái khô, chửa, nọc, hậu bị	A05	05:2011/AFIEX.AG	
6	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo vỗ béo > 60kg	A06	06:2011AFIEX.AG	
7	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 15kg đến 50kg giống nội hoặc lai	A45	07:2011AFIEX.AG	
8	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 50kg đến xuất chuồng giống nội hoặc lai	A46	08:2011AFIEX.AG	
9	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo nái nuôi con, khô, chửa giống nội hoặc lai	A48	09:2011AFIEX.AG	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
10	Thức ăn hỗn hợp cao cấp hoàn chỉnh dùng cho heo con từ tập ăn đến 7kg	G300	10:2011AFIEX.AG	
11	Thức ăn hỗn hợp cao cấp hoàn chỉnh dùng cho heo con từ 7kg đến 15kg	G301	11:2011AFIEX.AG	
12	Thức ăn hỗn hợp cao cấp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 15kg đến 30kg	G302	12:2011AFIEX.AG	
13	Thức ăn hỗn hợp cao cấp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 30kg đến 60kg	G303	13:2011AFIEX.AG	
14	Thức ăn hỗn hợp cao cấp hoàn chỉnh dùng cho heo thịt từ 60kg đến 100kg	G306	14:2011AFIEX.AG	
15	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà lai, gà ta 1 - 42 ngày tuổi	A28	15:2011/AFIEX.AG	
16	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà tàu, gà ta trên 42 ngày tuổi	A38	16:2011/AFIEX.AG	
17	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà đẻ thương phẩm	A08	17:2011/AFIEX.AG	
18	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho cút đẻ	A09	18:2011/AFIEX.AG	
19	Thức ăn hỗn hợp cao cấp hoàn chỉnh dùng cho vịt con từ 1 - 21 ngày tuổi	G221	19:2011/AFIEX.AG	
20	Thức ăn hỗn hợp cao cấp hoàn chỉnh dùng cho vịt đẻ cao sản	G252	20:2011/AFIEX.AG	
21	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt con từ 1 - 21 ngày tuổi	A21	21:2011/AFIEX.AG	
22	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt từ 21 - 42 ngày tuổi	A25	22:2011/AFIEX.AG	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
23	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt từ 42 ngày tuổi đến xuất chuồng	A26	23:2011/AFIEX.AG	
24	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt lai > 6 tuần tuổi	MT224	24:2011/AFIEX.AG	
25	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt đẻ thương phẩm	A22	25:2011/AFIEX.AG	
26	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt đẻ cao sản	A22SP	26:2011/AFIEX.AG	
27	Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho heo từ 15kg đến xuất chuồng	G50	AFIEX.AG 01/06	
28	Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho heo ni khơ, chửa, hậu bị, ni nuơi con, nọc	G40	AFIEX.AG 01/2009	
29	Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho heo từ 15kg đến xuất chuồng	G41	AFIEX.AG 05/05	
30	Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho heo từ 15kg đến xuất chuồng	G46	AFIEX.AG 06/05	
31	Thức ăn tinh hỗn hợp dùng cho bò thịt từ 100 - 200kg	A74	TC 04 - 2001	
32	Thức ăn tinh hỗn hợp dùng cho bò thịt từ 200 - 400kg	A75	TC 04 - 2001	
33	Thức ăn tinh hỗn hợp dùng cho bò vắt sữa < 6 lít	A76	TC 04 - 2001	
34	Thức ăn tinh hỗn hợp dùng cho bò vắt sữa > 15 lít	A77	TC 04 - 2001	
	Công ty Liên doanh TNHH ANOVA Địa chỉ: 36 Đại lộ Độc Lập, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương Điện thoại: 0650.3782.770. Fax: 0650.3782.700			
35	Thức ăn bổ sung men tiêu hóa, vi sinh vật có lợi, vitamin trong thức ăn chăn nuôi cho heo, gà, vịt	NOVA-ENZYME	01:2004/Anova	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
36	Thức ăn bổ sung dinh dưỡng trong thức ăn cho heo, gà, vịt đẻ trứng	DEFATY	01:2005/Anova	
37	Thức ăn bổ sung vitamin - khoáng chất trong thức ăn cho heo, gà, vịt, trâu, bò	NOVA-CALVIT PLUS	01:2007/Anova	
38	Thức ăn bổ sung vitamin + khoáng + điện giải trong thức ăn cho heo, gia cầm	NOVA-PERMASOL	01:2008/Anova	
39	Thức ăn bổ sung vitamin + điện giải trong thức ăn cho gà, vịt, cút, ngan	NOVA-ANTI GUM KC	01:2009/Anova	
40	Thức ăn bổ sung khoáng + vitamin trong thức ăn cho gia súc, gia cầm	NOVA-B.COMPLEX FORT	01:2010/Anova	
41	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng trong thức ăn cho heo, gà, vịt, trâu, bò, dê, cừu	NOVA-AD.TRICA-LPHOS	02:2004/Anova	
42	Thức ăn bổ sung sữa bột đặc biệt trong thức ăn cho heo con, dê, cừu con, heo nái	SUPER MILK	02:2005/Anova	
43	Thức ăn bổ sung men vi sinh + vitamin trong thức ăn cho heo, gà, vịt, cút	NOVA-BACTIC	02:2007/Anova	
44	Chất bổ sung khoáng chất thiết yếu + vitamin trong thức ăn cho gà, heo, bò, dê, cừu	NOVA-CALCIPHOS	02:2008/Anova	
45	Thức ăn bổ sung vitamin + khoáng chất + vi sinh vật có lợi trong thức ăn cho heo, gà, vịt, cút, ngan	NOVA-Siêu tăng tốc	02:2009/Anova	
46	Thức ăn bổ sung vitamin + chất dinh dưỡng trong thức ăn cho gia súc, gia cầm	NOVA-BROMHE-XINE + C	02:2010/Anova	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
47	Thức ăn bổ sung men tiêu hóa, vi sinh vật có lợi trong thức ăn cho heo, gà, vịt, cút, dê, cừu, bò	NOVA-MULTI-ZYME	03:2004/Anova	
48	Thức ăn bổ sung sữa bột, vitamin đặc biệt trong thức ăn cho heo con, bê, nghé, dê, cừu con	NOVA-LAC	03:2005/Anova	
49	Thức ăn bổ sung men tiêu hóa + vi sinh vật có lợi + vitamin trong thức ăn cho heo, gà, vịt, cút, bò, dê, cừu	EM-SURE	03:2007/Anova	
50	Thức ăn bổ sung men tiêu hóa + vitamin trong thức ăn cho gà, vịt, cút, heo	NOVA-BACILAC	03:2008/Anova	
51	Thức ăn bổ sung vitamin, điện giải trong thức ăn cho gia súc, gia cầm	ELEC-C	04:2004/Anova	
52	Thức ăn bổ sung vitamin, enzyme, điện giải trong thức ăn cho gia cầm	NOVA-AMIVIT	04:2005/Anova	
53	Thức ăn bổ sung vitamin + khoáng trong thức ăn cho heo, gà, vịt, cút	NOVA-E SELEN 500	04:2007/Anova	
54	Thức ăn bổ sung khoáng + vitamin + men tiêu hóa trong thức ăn cho heo, gà, vịt, ngan, cút	NOVA-Vỗ béo chống còi mau lớn	04:2008/Anova	
55	Thức ăn bổ sung cung cấp Vitamin, chất giải nhiệt trong thức ăn cho gia súc, gia cầm	ANA-C.VIT	05:2004/Anova	
56	Thức ăn bổ sung khoáng, vitamin, điện giải trong thức ăn cho gia cầm	NOVA-NORCOVIT	05:2005/Anova	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
57	Thức ăn bổ sung men vi sinh vật có lợi + vitamin trong thức ăn cho heo, gà, vịt, cút	NOVA-LACTO-ZYME	05:2007/Anova	
58	Thức ăn bổ sung Vitamin K trong thức ăn cho heo, trâu, bò, gà, vịt, cút	NOVA-VITAMIN K	05:2008/Anova	
59	Thức ăn bổ sung viatmin, khoáng trong thức ăn cho heo, bò, dê, cừu, gà, vịt, cút	CASEVIT	06:2004/Anova	
60	Thức ăn bổ sung khoáng, vitamin, điện giải trong thức ăn cho gà, vịt, cút	NOVA-GUM	06:2005/Anova	
61	Thức ăn bổ sung vitamin + khoáng chất + men tiêu hóa trong thức ăn cho heo thịt, gà, vịt thịt	NOVA-Chống còi - vỗ béo	06:2007/Anova	
62	Thức ăn bổ sung khoáng + vitamin + vi sinh vật có lợi trong thức ăn cho gà, vịt, cút, ngan	NOVA-Siêu tăng trọng	06:2008/Anova	
63	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng trong thức ăn cho heo, gà, vịt, cút, trâu, bò, dê, cừu	NOVA-MULTIVIT	07:2005/Anova	
64	Thức ăn bổ sung vitamin + chất điện giải + khoáng chất trong thức ăn cho heo, gà, vịt, cút, trâu, bò	NOVA-VITANASOL	07:2007/Anova	
65	Thức ăn bổ sung vitamin + chất dinh dưỡng trong thức ăn cho heo, trâu, bò, gà, vịt, cút	NOVA-SORBITOL + B_{12}	07:2008/Anova	
66	Thức ăn bổ sung men tiêu hóa, vi sinh vật có lợi trong thức ăn cho heo	NOVA-SUPER MYCO	08:2005/Anova	
67	Thức ăn bổ sung khoáng hữu cơ + vitamin + men tiêu hóa trong thức ăn cho heo thịt, gà, vịt thịt	NOVA-Chống còi mau lớn	08:2008/Anova	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
68	Thức ăn bổ sung men tiêu hóa cao cấp trong thức ăn cho heo	NOVA-SUPER COLI	09:2005/Anova	
69	Thức ăn bổ sung vitamin + điện giải trong thức ăn cho heo, trâu, bò, gà, vịt, cút, ngan	Điện giải K-C	09:2008/Anova	
70	Premix - vitamin - khoáng cho heo, trâu, bò, dê, cừu, gà, vịt	NOVA-VITA COMPLEX	10:2005/Anova	
71	Thức ăn bổ sung khoáng + vitamin + điện giải trong thức ăn cho heo, trâu, bò, dê, gà, vịt, cút, ngan	NOVA-ANAZIN KC	10:2008/Anova	
72	Premix - khoáng cho heo thịt, heo con, heo giống	MINERAL FOR PIG	11:2005/Anova	
73	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng trong thức ăn cho heo, gà, vịt, cút, trâu, bò, dê, cừu	NOVA-ADE B.COMPLEX	12:2005/Anova	
74	Thức ăn bổ sung khoáng, dinh dưỡng đặc biệt trong thức ăn cho heo, bò, gà, vịt, cút	NOVA-THYROMIN	13:2005/Anova	
75	Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin trong thức ăn cho heo, gà, vịt, cút	NOVA-AMINO	14:2005/Anova	
76	Thức ăn bổ sung cung cấp vitamin + điện giải + khoáng trong thức ăn cho gà, vịt, cút, heo, trâu, bò	NOVA-VITA PLUS	15:2005/Anova	
77	Thức ăn bổ sung sữa bột cao cấp trong thức ăn cho heo con, bê, nghé, dê, cừu con	NOVA-MILK	16:2005/Anova	
78	Premix - vitamin - khoáng cho heo lứa (20 - 50kg)	NOVAMIX 3	17:2005/Anova	
79	Premix - vitamin - khoáng cho heo thịt (50 - 90kg)	NOVAMIX 4	18:2005/Anova	
80	Premix - vitamin - khoáng cho heo giống	NOVAMIX 5	19:2005/Anova	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
81	Premix - vitamin - khoáng cho gà, vịt đẻ trứng	NOVAMIX 9	20:2005/Anova	
82	Thức ăn bổ sung khoáng, điện giải trong thức ăn cho heo, trâu, bò, gà, vịt	NOVA-ANTI DIARRHEA	21:2005/Anova	
83	Thức ăn bổ sung vitamin - khoáng chất trong thức ăn cho gà, vịt, cút	NOVA-ENROVIT	22:2005/Anova	
84	Thức ăn bổ sung khoáng hữu cơ trong thức ăn cho heo, gà, vịt, bò	NOVA-CHROM YEAST	23:2005/Anova	
85	Thức ăn bổ sung vitamin - khoáng - men tiêu hóa trong thức ăn cho gia súc, gia cầm	NOVA-COMPLEX-C	24:2005/Anova	
86	Thức ăn bổ sung vitamin - khoáng - chất dinh dưỡng trong thức ăn cho gà, vịt, cút	NOVA-TETRA EGG	25:2005/Anova	
87	Thức ăn bổ sung sữa bột, vitamin, khoáng trong thức ăn cho heo, trâu, bò, dê, cừu	NOVA-MUM	26:2005/Anova	
	Công ty TNHH Dinh dưỡng Âu Châu Địa chỉ: Đường số 4, Lô B2-28, KCN Tân Đông Hiệp B, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương Điện thoại: 0650.6271179; Fax: 0650.3737469			
88	Thức ăn hỗn hợp cho vịt từ 01 ngày tuổi - xuất bán	101	AC. BD 01/09	
89	Thức ăn hỗn hợp cho gà từ 1 ngày - xuất bán	201	AC. BD 01/09	
90	Thức ăn hỗn hợp cho gà hạnh phúc	202	AC. BD 03/09	
91	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thịt, vịt vỗ béo	102	AC.BD 04/08	
92	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ	104	AC.BD 09/07	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
93	Thức ăn hỗn hợp cho gà ta, gà tàu, gà thả vườn từ 1 - 42 ngày tuổi	E-442	AC.BD01/08	
94	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho heo từ tập ăn - xuất chuồng	8910, 9900, 8800A, 9630, 1680	AC.BD01/2011	
95	Thức ăn hỗn hợp cho gà ta, gà tàu, gà thả vườn từ 43 ngày tuổi - xuất bán	E-443	AC.BD02/08	
96	Thức ăn hỗn hợp viên cho vịt siêu thịt từ 22 ngày - xuất bán	777	AC.BD02/10	
97	Thức ăn đậm đặc cho heo từ tập ăn - xuất chuồng	9800, 7630-E, HV9999	AC.BD02/2011	
98	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thương phẩm	E-445	AC.BD03/08	
99	Thức ăn đậm đặc cho heo từ 5kg - xuất chuồng	9700, 6600-E	AC.BD03/2011	
100	Thức ăn đậm đặc siêu sữa cho heo nái	9600, 2800-E, 137, 121, 1070, 129	AC.BD04/2011	
101	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ tập ăn - 15kg	950, E-200, DK1060	AC.BD05/2011	
102	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 15kg - 30kg	945, E-14, DK1055	AC.BD06/2011	
103	Thức ăn hỗn hợp cho vịt từ 01 ngày tuổi - xuất bán	DK330, E-220	AC.BD07/07	
104	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 30kg - 60kg	940, E-15, DK1050	AC.BD07/2011	
105	Thức ăn hỗn hợp cho vịt từ 1 - 21 ngày tuổi	DK333, E-222, 666	AC.BD08/07	
106	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 60kg - xuất chuồng	930, E-16, DK1040	AC.BD08/2011	
107	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 30kg - xuất chuồng	E-19, DK1010, HV30	AC.BD09/2011	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
108	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 15kg - 30kg	HV-23	AC.BD10/2011	
109	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 30kg - 60kg	HV-24	AC.BD11/2011	
110	Thức ăn hỗn hợp viên dùng cho thỏ thịt	T-01	AC.BD12/05	
111	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái hậu bị, mang thai	HV-26, E-18, 920, DK1020	AC.BD12/2011	
112	Thức ăn hỗn hợp heo sữa từ 7 ngày - 8kg	E100	AC.BD13/05	
113	Thức ăn hỗn hợp viên dùng cho thỏ sinh sản	T-02	AC.BD13/07	
114	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con	HV-27, E-17, 910, DK1030	AC.BD13/2011	
115	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ	DK550, E-440	AC.BD14/2011	
116	Thức ăn hỗn hợp cho vịt siêu trứng	DK555, E-444	AC.BD15/2011	
117	Thức ăn hỗn hợp cho cút đẻ trứng	340-E	AC.BD17/07	
	Công ty TNHH Bayer Việt Nam Địa chỉ: Ấp 4, Thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, Bình Dương Tel: 0838450828; Fax: 0839979204			
118	Thức ăn bổ sung giúp heo và gia cầm mau lớn	Baymix Bacifeed	BA.DN.02/07	
119	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng cho gà vỗ béo, gà thịt	Agrinam Chicken-Finisher, Broiler	BA.HCM.35/04	
120	Bổ sung men tiêu hóa cho vật nuôi	Bazyme P	BA.HCM.59/04	
121	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng cho heo con	Agrinam pig starter	BA.HCM.60/04	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
122	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng cho heo lứa, heo vỗ béo	Agrinam Pig Grower, Finisher	BA.HCM.61/04	
123	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng cho heo nái và đực giống	Agrinam Pig Breeder	BA.HCM.62/04	
124	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng cho gà con, gà hậu bị	Agrinam chicken-starter, Pullet	BA.HCM.64/04	
125	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng cho gà giống, gà đẻ thương phẩm	Agrinam chicken Breeder, Layer	BA.HCM.66/04	
126	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng cho cút	Agrinam Quail-Layer, Meat	BA.HCM.67/04	
127	Thức ăn bổ sung giúp nâng cao năng suất mật và sữa ong chúa	Baymix PolyVitaBee	BA.HCM.76/06	
128	Thức ăn bổ sung cho heo con	BoostStart	BY ĐN 12/08	
129	Nguyên liệu dùng trong thức ăn chăn nuôi	Hemicell D	LN11:2009/BAH	
130	Sản phẩm thay thế bột huyết tương	Immunomax-Plasma Replacer	LN29:2010/BAH	
131	Phụ gia thức ăn chăn nuôi	Pro.Zyme	LN01:2008/BAH	
132	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng cho heo	Orga-Breed	LN02:2008/BAH	
133	Chất bổ sung vào thức ăn kích thích tăng trọng và phòng bệnh	Bacifo	LN03:2008/BAH	
134	Sản phẩm dinh dưỡng cho heo tập ăn sớm	Stockmilk	LN04:2009/BAH	
135	Sản phẩm bổ sung men tiêu hóa, chất điện giải và vi khuẩn có lợi cho gia súc, gia cầm	Lactobac C	LN05:2009/BAH	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
136	Sản phẩm dinh dưỡng đậm đặc dùng cho heo	Supastock powder pig pack	LN06:2009/BAH	
137	Nguyên liệu dùng trong chăn nuôi	Dicalcium phosphate	LN07:2008/BAH	
138	Thức ăn bổ sung vitamin E cho vật nuôi	Tetravit E	LN07:2009/BAH	
139	Nguyên liệu dùng trong chăn nuôi	Baymix Latibon Plus ME	LN08:2009/BAH	
140	Nguyên liệu dùng trong thức ăn chăn nuôi	Latibon	LN09:2009/BAH	
141	Nguyên liệu dùng trong thức ăn chăn nuôi	Soycomil K	LN12:2009/BAH	
142	Nguyên liệu dùng trong thức ăn chăn nuôi	Soycomil P	LN13:2009/BAH	
143	Nguyên liệu dùng trong thức ăn chăn nuôi	Toxisorb classis	LN14:2009/BAH	
144	Nguyên liệu dùng trong thức ăn chăn nuôi	Toxisorb premium	LN15:2009/BAH	
145	Thức ăn bổ sung Biotin và khoáng hữu cơ cho heo, bò và gia cầm	Baymix Biotin Plus	LN15:2010/BAH	
146	Thức ăn bổ sung cho gia súc, gia cầm	Baymix vitamin E+	LN17:2009/BAH	
147	Thức ăn bổ sung kẽm hữu cơ cho vật nuôi	Orga-Zinc	LN20:2009/BAH	
148	Thức ăn bổ sung Selen hữu cơ cho vật nuôi	Org-Sel	LN21:2009/BAH	
149	Thức ăn bổ sung sắt hữu cơ cho vật nuôi	Org-Fer	LN22:2009/BAH	
150	Thức ăn bổ sung Mangan hữu cơ cho vật nuôi	Customix 4637 Orga-Manga	LN23:2009/BAH	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
151	Thức ăn bổ sung đồng hữu cơ cho gia súc, gia cầm	Customix 4636 Orga-Copp	LN24:2009/BAH	
152	Thức ăn bổ sung Chrom hữu cơ cho gia súc, gia cầm	Orga-chrom	LN24:2010/BAH	
153	Chất bổ sung vitamin, khoáng, điện giải và acid amin	Multi Sol- G	LN25:2009/BAH	
154	Sản phẩm bổ sung selen vào thức ăn cho gia súc, gia cầm	Sodium Selenite	LN27:2009/BAH	
155	Thức ăn bổ sung vitamin và chất điện giải cho gia cầm	Bagum	LN28:2009/BAH	
156	Sản phẩm bổ sung vào thức ăn chăn nuôi	Protox	LN60:2010/BAH	
	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Đa Thành Địa chỉ: Ấp Tân Long, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương Điện thoại: 0650.3903506			
157	Thức ăn hỗn hợp dạng viên, dạng mảnh dùng cho vịt con từ 1 - 21 ngày tuổi	401	TM.BD 02/07	
158	Thức ăn hỗn hợp dạng viên, dạng mảnh dùng cho vịt con từ 22 ngày tuổi - xuất bán	402	TM.BD 03/07	
159	Thức ăn hỗn hợp dạng viên, dạng mảnh dùng cho vịt con từ 1 ngày tuổi - xuất bán	405	TM.BD 04/07	
160	Thức ăn hỗn hợp dạng viên, dạng mảnh dùng cho gà thả vườn từ 1 - 42 ngày tuổi	501	TM.BD 05/07	
161	Thức ăn hỗn hợp dạng viên, dạng mảnh dùng cho gà thả vườn từ 42 ngày tuổi - xuất bán	502	TM.BD 06/07	
162	Thức ăn hỗn hợp dạng viên, dạng mảnh dùng cho gà thả vườn từ 1 ngày tuổi - xuất bán	504	TM.BD 07/07	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
163	Thức ăn hỗn hợp dùng nuôi heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột, viên)	366	TM.NBD - 006Th/05	
164	Thức ăn hỗn hợp dùng nuôi heo từ tập ăn đến 15kg (dạng bột, viên)	360	TM.NBD - 007Th/05	
165	Thức ăn đậm đặc dùng nuôi heo thịt từ 15kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	369	TM.NBD - 008Th/05	
166	Thức ăn hỗn hợp dùng nuôi heo từ 15kg đến 30kg (dạng bột, viên)	365	TM.NBD - 009Th/05	
167	Thức ăn hỗn hợp dùng nuôi heo từ 30 kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	367	TM.NBD - 010Th/05	
168	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 15 - 30kg, nái nuôi con (dạng bột, viên)	D	TM.NBD-001 Th/02	
169	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 30kg - 70kg (dạng bột, viên)	6	TM.NBD-002 Th/02	
170	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 70kg - 100kg (dạng bột, viên)	7	TM.NBD-003 Th/02	
171	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái, nái mang thai (dạng bột, viên)	10	TM.NBD-004 Th/02	
172	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò sữa loại đặc biệt (dạng bột)		TM.NBD-005 Tb/02	
	Công ty TNHH De Heus Địa chỉ: Lô G-2-CN, KCN Mỹ Phước, Bến Cát, Bình Dương Tel: 0650.3558380; Fax: 0650.3553082			
173	Thức ăn hỗn hợp heo con từ 7 ngày tuổi đến 7kg	3800	01:2009/DH	
174	Thức ăn hỗn hợp heo con tập ăn - 15kg	3810	01:2010/DH	
175	Premix cho heo thịt từ 15 - 30 kg	3600	01:2011/DH	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
176	Thức ăn hỗn hợp heo con từ 7kg - 12kg	3820	02:2009/DH	
177	Thức ăn hỗn hợp bò sữa các giai đoạn	5969	02:2010/DH	
178	Premix cho heo thịt từ 30 - 60 kg	3601	02:2011/DH	
179	Thức ăn hỗn hợp heo từ 12kg - 30kg	3840	03:2009/DH	
180	Thức ăn đậm đặc heo thịt từ 12kg - xuất chuồng	3402	03:2010/DH	
181	Premix cho heo thịt từ 60kg - xuất chuồng	3602	03:2011/DH	
182	Thức ăn hỗn hợp heo thịt từ 30kg - 60kg	3540	04:2009/DH	
183	Thức ăn hỗn hợp heo nái trước khi phối 5 - 7 ngày	3085	04:2010/DH	
184	Thức ăn hỗn hợp vịt, ngan đẻ cao sản	7777	04:2011/DH	
185	Thức ăn hỗn hợp heo thịt từ 60kg - 110kg	3350	05:2009/DH	
186	Thức ăn hỗn hợp heo nái mang thai	3010	05:2010/DH	
187	Thức ăn hỗn hợp vịt, ngan đẻ cao sản	7779	05:2011/DH	
188	Thức ăn hỗn hợp heo nái hậu bị từ 45kg trở lên	3000	06:2009/DH	
189	Thức ăn hỗn hợp gà đẻ từ 19 - 45/50 tuần tuổi	7710	06:2010/DH	
190	Thức ăn hỗn hợp gà thịt từ 15 - 22 ngày tuổi	6720	06:2011/DH	
191	Thức ăn hỗn hợp heo nái mang thai	3030	07:2009/DH	
192	Thức ăn hỗn hợp bò sữa các giai đoạn	5978	07:2010/DH	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
193	Premix cho heo nái mang thai và nuôi con	3609	07:2011/DH	
194	Thức ăn hỗn hợp heo nái nuôi con	3060	08:2009/DH	
195	Thức ăn hỗn hợp bò thịt vỗ béo	5958	08:2010/DH	
196	Thức ăn hỗn hợp heo đực giống	3100	09:2009/DH	
197	Thức ăn hỗn hợp heo con tập ăn từ 7 ngày - 15kg	3815	09:2010/DH	
198	Thức ăn hỗn hợp heo kinh tế từ 12kg - 30kg	3860	10:2009/DH	
199	Thức ăn hỗn hợp heo nái mang thai	3031	10:2010/DH	
200	Thức ăn hỗn hợp heo kinh tế từ 30kg - 60kg	3520	11:2009/DH	
201	Thức ăn hỗn hợp heo nái nuôi con	3061	11:2010/DH	
202	Thức ăn hỗn hợp heo kinh tế từ 60kg - 110kg	3330	12:2009/DH	
203	Thức ăn hỗn hợp heo kinh tế từ 30kg - 60kg	3521	12:2010/DH	
204	Thức ăn đậm đặc heo thịt từ 12kg - xuất chuồng	3401	13:2009/DH	
205	Thức ăn hỗn hợp gà đẻ từ 19 - 45/50 tuần tuổi	7701	13:2010/DH	
206	Thức ăn đậm đặc heo thịt từ 12kg - xuất chuồng	3403	14:2009/DH	
207	Thức ăn đậm đặc gà hậu bị từ 1 - 18 tuần tuổi	8000	14:2010/DH	
208	Thức ăn đậm đặc heo thịt từ 12kg - xuất chuồng	3405	15:2009/DH	
209	Thức ăn hỗn hợp heo kinh tế từ 12kg - 30kg	3861	15:2010/DH	
210	Thức ăn đậm đặc heo nái mang thai và nái nuôi con	3409	16:2009/DH	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
211	Thức ăn hỗn hợp gà thịt từ 1 - 14 ngày tuổi	6620	24:2009/DH	
212	Thức ăn hỗn hợp gà thịt từ 15 - 30 ngày tuổi	6830	25:2009/DH	
213	Thức ăn hỗn hợp gà thịt từ 31 ngày tuổi đến xuất chuồng	6930	26:2009/DH	
214	Thức ăn hỗn hợp gà đẻ hậu bị từ 0 - 6 tuần tuổi	7600	27:2009/DH	
215	Thức ăn hỗn hợp gà đẻ hậu bị từ 0 - 6 tuần tuổi	7601	28:2009/DH	
216	Thức ăn hỗn hợp gà đẻ hậu bị từ 7 - 18/19 tuần tuổi	7610	29:2009/DH	
217	Thức ăn hỗn hợp gà đẻ hậu bị từ 7 - 18/19 tuần tuổi	7621	30:2009/DH	
218	Thức ăn hỗn hợp gà đẻ sau 45/50 tuần tuổi	7705	33:2009/DH	
219	Thức ăn hỗn hợp gà đẻ sau 45/50 tuần tuổi	7706	34:2009/DH	
220	Thức ăn hỗn hợp gà thịt thả vườn từ 1 - 28 ngày tuổi	6630	35:2009/DH	
221	Thức ăn hỗn hợp gà thịt thả vườn từ 29 - 42 ngày tuổi	6840	36:2009/DH	
222	Thức ăn hỗn hợp vịt thịt từ 1 - 21 ngày tuổi	7750	37:2009/DH	
223	Thức ăn hỗn hợp vịt thịt từ 22 - 42 ngày tuổi	7760	38:2009/DH	
224	Thức ăn hỗn hợp vịt thịt sau 42 ngày tuổi	7765	39:2009/DH	
225	Thức ăn hỗn hợp vịt, ngan đẻ cao sản	7770	40:2009/DH	
226	Thức ăn hỗn hợp cút thịt từ 1 - 35 ngày tuổi	7780	41:2009/DH	
227	Thức ăn hỗn hợp cút đẻ	7790	43:2009/DH	
228	Thức ăn đậm đặc gà đẻ sau 19 tuần - loại	8001	44:2009/DH	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
229	Thức ăn đậm đặc gà đẻ sau 19 tuần - loại	8002	45:2009/DH	
230	Thức ăn hỗn hợp gà giống hậu bị hướng thịt từ 1 - 6 tuần tuổi	7800	48:2009/DH	
231	Thức ăn hỗn hợp gà giống hậu bị hướng thịt từ 1 - 6 tuần tuổi	7801	49:2009/DH	
232	Thức ăn hỗn hợp gà giống hậu bị hướng thịt từ 7 - 21 tuần tuổi	7820	50:2009/DH	
233	Thức ăn hỗn hợp gà giống hậu bị hướng thịt từ 7 - 21 tuần tuổi	7821	51:2009/DH	
234	Thức ăn hỗn hợp gà giống đẻ hướng thịt sau 21 tuần tuổi	7900	52:2009/DH	
235	Thức ăn hỗn hợp heo thịt từ 15kg - 30kg	3850	53:2009/DH	
236	Thức ăn hỗn hợp gà giống đẻ hướng thịt sau 21 tuần tuổi	7901	54:2009/DH	
237	Thức ăn hỗn hợp bò sữa các giai đoạn	5979	61:2009/DH	
238	Thức ăn đậm đặc gà thịt từ 1 ngày tuổi tới xuất chuồng	8080	70:2009/DH	
239	Thức ăn hỗn hợp gà thịt thả vườn từ 43 ngày tới xuất chuồng	6940	71:2009/DH	
	Công ty TNHH DSM Nutritional Products Việt Nam Địa chỉ: 26 Đại lộ Độc Lập, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương Tel: 0650 3758 432. Fax: 06503758 442			
240	ROVIMIX 6288 - VITAMIN CONCENTRATE (Premix Vitamin cho gà)	VN10040377	DNPV.BD 042/11	
241	ROVIMIX 8188 - VITAMIN CONCENTRATE (Premix Vitamin cho heo)	VN10041377	DNPV.BD 043/11	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
242	ROVIMIX 6188 PLUS - VITAMIN CONCENTRATE (Premix Vitamin cho gà)	VN10042377	DNPV.BD 044/11	
243	VITAMIN PREMIX 4475 (Premix Vitamin cho heo)	VN10119377	DNPV.BD 047/11	
244	VITAMIN PREMIX 4474 (Premix Vitamin cho heo)	VN10147377	DNPV.BD 048/11	
245	VITAMIN PREMIX 50840 (Premix vitamin cho gia cầm)	VN10178377	DNPV.BD 050/11	
246	PREMIX 4 (Premix Vitamin cho gia cầm đẻ)	VN10179377	DNPV.BD 107/10	
247	4200 A (Premix Vitamin cho heo)	VN10306377	DNPV.BD 069/11	
248	4200 B (Premix vitamin cho gà thịt)	VN10307377	DNPV.BD 070/11	
249	4200 C (Premix vitamin cho gia cầm đẻ)	VN10308377	DNPV.BD 071/11	
250	4200 F (Premix vitamin cho bò)	VN10309377	DNPV.BD 072/11	
251	4200 H (Premix Vitamin cho heo)	VN10310377	DNPV.BD 073/11	
252	VITAMIN TX300 (Premix Vitamin cho heo)	VN10329377	DNPV.BD 095/11	
253	VITAMIN TX301 (Premix vitamin cho vịt)	VN10332377	DNPV.BD 096/11	
254	VITAMIN TX101 (Premix vitamin cho vịt)	VN10333377	DNPV.BD 097/11	
255	ROVIMIX MAXICHICK (Premix cung cấp vitamin, sắc tố cho gia cầm)	VN10347377	DNPV.BD 098/11	
256	LAYER VITAMIN PREMIX	VN10353377	DNPV.BD 111/11	
257	VITAMIN PREMIX 810 (Premix Vitamin cho heo)	VN15002377	DNPV.BD 052/11	
258	VITAMIN PREMIX 820 (Premix Vitamin cho heo)	VN15003377	DNPV.BD 053/11	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
259	CAROPHYLL RED 1% PREMIX (Premix cung cấp sắc tố cho gia cầm)	VN15018377	DNPV.BD 103/09	
260	CAROPHYLL YELLOW 1% PREMIX (Premix cung cấp sắc tố cho gia cầm)	VN15019377	DNPV.BD 104/09	
261	HY.D PREMIX (1KG/TON) (Premix cung cấp vitamin cho gia súc, gia cầm)	VN15132377	DNPV.BD 001/09	
262	PIG BREEDER VITAMIN (Premix vitamin cho heo giống)	VN15148377	DNPV.BD 005/11	
263	CARRED - CANTHAXAN-THIN 0.2% (Premix cung cấp sắc tố cho gia cầm)	VN15160377	DNPV.BD 012/07	
264	PIGLET VITAMIN (Premix vitamin cho heo con)	VN15214377	DNPV.BD 006/11	
265	VITAMIN PREMIX 50484 (Premix vitamin cho gia cầm)	VN15252377	DNPV.BD 054/11	
266	PV QUAIL CODE 157 (Premix vitamin cho cút)	VN15260377	DNPV.BD 029/11	
267	PV BROILER CODE 166 (Premix vitamin cho gà thịt)	VN15261377	DNPV.BD 030/11	
268	PV LAYER CODE 155 (Premix vitamin cho gà đẻ)	VN15262377	DNPV.BD 031/11	
269	PV DUCK LAYER CODE 167 (Premix vitamin cho vịt đẻ)	VN15263377	DNPV.BD 032/11	
270	PV PIG CODE 161 (Premix Vitamin cho heo)	VN15264377	DNPV.BD 033/11	
271	SB PIG GROWER - NO ANTIBIOTICS (Premix vitamin cho heo choai)	VN15277377	DNPV.BD 005/10	
272	BTNHYD - Biotin Hy.D (CHAN MONG DB) (Premix Vitamin cho heo)	VN15279377	DNPV.BD 042/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
273	LAYER VITAMIN	VN15297377	DNPV.BD 078/10	
274	PS/ST SWINE VITAMIN (Premix Vitamin cho heo)	VN15298377	DNPV.BD 079/10	
275	GW/FN SWINE VITAMIN (Premix Vitamin cho heo)	VN15299377	DNPV.BD 080/10	
276	STARGRO 1012V (Premix Vitamin cho heo)	VN15316377	DNPV.BD 011/10	
277	SW GROWER VIT (Premix Vitamin cho heo)	VN15323377	DNPV.BD 007/11	
278	BROILER GROWER VITAMIN (Premix vitamin cho gà thịt)	VN15326377	DNPV.BD 014/11	
279	SW GROWER VIT (Premix Vitamin cho heo)	VN15327377	DNPV.BD 008/11	
280	CM 3136 (Premix Vitamin cho heo)	VN15335377	DNPV.BD 009/11	
281	BROILER STARTER VITAMIN 0910 (Premix vitamin cho gà thịt)	VN15336377	DNPV.BD 015/11	
282	PIGLET VITAMIN (NO COLIS.) (Premix vitamin cho heo con)	VN15342377	DNPV.BD 004/11	
283	BROILER VITAMIN (Premix vitamin cho gà thịt)	VN15343377	DNPV.BD 055/11	
284	LAYER VITAMIN (Premix vitamin cho gà đẻ)	VN15345377	DNPV.BD 056/11	
285	BIOTIN 0.02% (Premix cung cấp Biotin cho gia súc, gia cầm)	VN15347377	DNPV.BD 077/11	
286	VITAMIN PREMIX 8 (Premix Vitamin cho heo)	VN15348377	DNPV.BD 089/11	
287	VITAMIN FOR GESTATION/LACTATION (Premix Vitamin cho heo)	VN15349377	DNPV.BD 099/11	
288	MINERAL PREMIX 51085 (Premix khoáng cho gà)	VN20077377	DNPV.BD 058/11	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
289	MINERAL PREMIX 4477 (Premix khoáng cho heo)	VN20079377	DNPV.BD 059/11	
290	SWINE MINERAL (Premix khoáng cho heo)	VN20086377	DNPV.BD 082/10	
291	PREMIX KHOANG (Premix khoáng cho heo)	VN20093377	DNPV.BD 113/10	
292	STARGRO 2012M (Premix khoáng cho heo)	VN20099377	DNPV.BD 017/10	
293	MINERAL PREMIX 2122 (Premix khoáng cho gà)	VN20111377	DNPV.BD 045/11	
294	MINERAL PREMIX 2125 (Premix khoáng cho gà)	VN20112377	DNPV.BD 046/11	
295	4300 A (Premix khoáng cho heo)	VN20119377	DNPV.BD 078/11	
296	4300 C (Premix khoáng cho heo nái)	VN20121377	DNPV.BD 080/11	
297	4300 G (Premix khoáng cho bò sữa)	VN20123377	DNPV.BD 082/11	
298	SB - MINERAL C/S (Premix khoáng cho heo con)	VN20125377	DNPV.BD 100/11	
299	BROILER MINERAL Premix khoáng cho gà thịt)	VN20134377	DNPV.BD 060/11	
300	LAYER MINERAL (Premix khoáng cho gà đẻ)	VN20135377	DNPV.BD 061/11	
301	MINERAL PREMIX 4477 (Premix khoáng cho heo)	VN20245377	DNPV.BD 086/11	
302	MINERAL MT201 (Premix khoáng cho heo)	VN20248377	DNPV.BD 101/11	
303	MINERAL MT101 (Premix khoáng cho vịt)	VN20250377	DNPV.BD 109/11	
304	MINERAL MT301 (Premix khoáng cho vịt)	VN20251377	DNPV.BD 102/11	
305	LAYER MINERAL PREMIX (Premix khoáng cho gà đẻ)	VN20265377	DNPV.BD 112/11	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
306	SELENIUM 1% PREMIX (Premix cung cấp Selen cho gia súc, gia cầm)	VN25023377	DNPV.BD 192/10	
307	ORGANIC CHROMIUM 400PPM(CUST.1950) (Premix cung cấp Crôm cho gia súc, gia cầm)	VN25053377	DNPV.BD 009/07	
308	CARGILL 105 - MINERAL PREMIX (Premix khoáng cho heo)	VN25058377	DNPV.BD 063/11	
309	BROILER BREEDER MINERAL (Premix khoáng cho gà thịt)	VN25087377	DNPV.BD 020/11	
310	PIGLET MINERAL SE (Premix khoáng cho heo con)	VN25130377	DNPV.BD 017/11	
311	PIG BREEDER MINERAL (Premix khoáng cho heo giống)	VN25134377	DNPV.BD 018/11	
312	ORGANIC CHROMIUM 0.04% (Premix cung cấp Crôm cho gia súc, gia cầm)	VN25159377	DNPV.BD 017/09	
313	SW GROWER MIN (Premix khoáng cho heo)	VN25164377	DNPV.BD 019/11	
314	PM BROILER CODE 153 (Premix khoáng cho gà thịt)	VN25196377	DNPV.BD 034/11	
315	PM PIG CODE 169 (Premix khoáng cho heo)	VN25197377	DNPV.BD 035/11	
316	SB PIG GROWER MIN (Premix khoáng cho heo choai)	VN25199377	DNPV.BD 019/10	
317	PM PIG CODE 169 VERSION B (Premix khoáng cho heo)	VN25222377	DNPV.BD 040/11	
318	CUSTOMIX 111-PIG STARTER WEANER PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho lợn con)	VN30046377	DNPV.BD 020/10	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
319	CUSTOMIX 555-PIG BREEDER PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho lợn nái)	VN30048377	DNPV.BD 021/10	
320	CUSTOMIX 888-CHICKEN BROILER PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN30049377	DNPV.BD 022/10	
321	PTC1 - CM2033 (PULLET PREMIX) (Premix vitamin và khoáng chất cho gà con)	VN30110377	DNPV.BD 023/10	
322	PTC2-CM2034 CHICKEN BREEDER PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho gà đẻ trứng)	VN30111377	DNPV.BD 024/10	
323	PIG GROWER PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho heo)	VN30234377	DNPV.BD 115/10	
324	PIG FINISHER PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất heo)	VN30235377	DNPV.BD 116/10	
325	BROILER PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN30237377	DNPV.BD 112/10	
326	PIG STARTER PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho heo con)	VN30240377	DNPV.BD 117/10	
327	SOBEMIX 61 (DAIRY COW PREMIX) (Premix vitamin và khoáng chất cho bò sữa)	VN30299377	DNPV.BD 025/10	
328	MQ NAI CHUA (Premix vitamin và khoáng chất cho heo nái)	VN30446377	DNPV.BD 118/10	
329	LAYING DUCK PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho vịt đẻ)	VN30493377	DNPV.BD 119/10	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
330	TH333 - PIG FINISHER PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho lợn thịt)	VN30555377	DNPV.BD 027/10	
331	PIG GROWER PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho heo thịt)	VN30635377	DNPV.BD 121/10	
332	VITAMIN MINERAL PREMIX (10) (Premix vitamin và khoáng chất cho heo)	VN30643377	DNPV.BD 066/11	
333	VITAMIN MINERAL PREMIX (8) (Premix vitamin và khoáng chất heo)	VN30644377	DNPV.BD 009/08	
334	PV - PIG PREMIX (Premix vitamin và khoáng cho lợn choai)	VN30755377	DNPV.BD 028/10	
335	E-SEL (Premix vitamin khoáng cho heo)	VN30847377	DNPV.BD 030/10	
336	PV - PIG PREMIX (Premix vitamin và khoáng cho lợn choai)	VN30863377	DNPV.BD 031/10	
337	SUPER RED - GAIN SE (Premix vitamin và khoáng chất cho heo)	VN30868377	DNPV.BD 032/10	
338	RO1186 - HH HEO DELICE (Premix vitamin và khoáng chất cho heo con)	VN30869377	DNPV.BD 083/10	
339	LAYING DUCK PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho vịt đẻ)	VN30895377	DNPV.BD 025/11	
340	VINA 001(PIG STARTER PREMIX) (Premix vitamin và khoáng chất cho heo con)	VN30905377	DNPV.BD 033/10	
341	VINA 002 (PIG GROWER PREMIX) (Premix vitamin và khoáng chất cho heo thịt)	VN20248377	DNPV.BD 034/10	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
342	VINA 003 (PIG PRESTARTER) (Premix vitamin và khoáng chất cho con tập ăn)	VN30907377	DNPV.BD 035/10	
343	CUSTOMIX 666 - VIT DE (Premix vitamin và khoáng chất cho vịt đẻ)	VN30909377	DNPV.BD 036/10	
344	CUSTOMIX 668 - VIT SIEU THIT (Premix vitamin và khoáng chất cho vịt siêu thịt)	VN30910377	DNPV.BD 037/10	
345	PX CATTLE CODE 159 (Premix vitamin và khoáng chất cho bò)	VN30922377	DNPV.BD 036/11	
346	PX BREEDER CODE 154 (Premix vitamin và khoáng chất cho gia cầm giống)	VN30929377	DNPV.BD 037/11	
347	PX SOW CODE 168 (Premix vitamin và khoáng chất cho heo nái)	VN30930377	DNPV.BD 038/11	
348	BROILER PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN30931377	DNPV.BD 038/10	
349	LAYER PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho gà đẻ)	VN30932377	DNPV.BD 039/10	
350	PIG STARTER PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho lợn con)	VN30934377	DNPV.BD 040/10	
351	SOBEMIX 10 (PIG STARTER PREMIX) (Premix vitamin và khoáng chất cho heo con giống)	VN30954377	DNPV.BD 041/10	
352	SOBEMIX 11 (PIG GROWER PREMIX) (Premix vitamin và khoáng chất cho heo)	VN30955377	DNPV.BD 042/10	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
353	SOBEMIX 12 (PIG FINISHER PREMIX) (Premix vitamin và khoáng chất cho heo)	VN30956377	DNPV.BD 043/10	
354	SOBEMIX 13 (PIG BREEDER PREMIX) (Premix vitamin và khoáng chất cho heo giống)	VN30958377	DNPV.BD 044/10	
355	SOBEMIX 21 (LAYER PREMIX) (Premix vitamin và khoáng chất cho gà đẻ)	VN30960377	DNPV.BD 045/10	
356	SOBEMIX 22 (BROILER CHICKEN PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho gà trắng hướng thịt)	VN30961377	DNPV.BD 046/10	
357	SOBEMIX 31 (QUAIL PREMIX) (Premix vitamin và khoáng chất cho gia cầm đẻ)	VN30963377	DNPV.BD 047/10	
358	SOBEMIX 40 (DUCK MEAT PREMIX) (Premix vitamin và khoáng chất cho vịt)	VN30977377	DNPV.BD 049/10	
359	THAVIMIX - 0042 (BROILER PREMIX) (Premix tổng hợp gia cầm thịt)	VN30980377	DNPV.BD 122/10	
360	THAVIMIX - 1665 (LAYING PREMIX) (Premix tổng hợp gia cầm đẻ)	VN30982377	DNPV.BD 123/10	
361	THAVIMIX - 5100 (SWINE PREMIX) (Premix tổng hợp heo thịt)	VN30983377	DNPV.BD 124/10	
362	THAVIMIX - SGL (SWINE BREEDER PREMIX) (Premix tổng hợp heo nái)	VN30988377	DNPV.BD 125/10	
363	PREMIX 1 (Premix vitamin và khoáng chất cho gia cầm thịt)	VN31007377	DNPV.BD 126/10	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
364	PREMIX 2 (Premix vitamin và khoáng chất cho heo)	VN31008377	DNPV.BD 127/10	
365	PREMIX 3 (Premix vitamin và khoáng chất cho heo)	VN31011377	DNPV.BD 128/10	
366	LAYER PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho gà đẻ)	VN31012377	DNPV.BD 144/10	
367	SOBEMIX 22 - BROILER CHICKEN PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho gà con)	VN31030377	DNPV.BD 053/10	
368	SOBEMIX 41 - LAYER DUCK PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho vịt đẻ giống)	VN31031377	DNPV.BD 054/10	
369	PIG PREMIX YA10 (Premix vitamin và khoáng chất cho lợn con)	VN31035377	DNPV.BD 055/10	
370	PIG PREMIX YA11 (Premix vitamin và khoáng chất cho lợn thịt)	VN31036377	DNPV.BD 056/10	
371	BROILER PREMIX YA12 (Premix vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN31044377	DNPV.BD 058/10	
372	POULTRY CM01 (Premix vitamin và khoáng chất cho gà con)	VN31051377	DNPV.BD 177/09	
373	POULTRY CM02 (Premix vitamin và khoáng chất cho gà đẻ)	VN31052377	DNPV.BD 178/09	
374	POULTRY CM03 (Premix vitamin và khoáng chất cho đà điểu)	VN31053377	DNPV.BD 179/09	
375	PIG CM04 (Premix vitamin và khoáng chất cho heo)	VN31054377	DNPV.BD 076/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
376	PIG CM05 (Premix vitamin và khoáng chất cho heo)	VN31055377	DNPV.BD 080/09	
377	PIG CM06 (Premix vitamin và khoáng chất cho heo)	VN31056377	DNPV.BD 180/09	
378	ST PIG PREMIX (Premix đặc biệt chuyên dùng cho lợn trại)	VN31057377	DNPV.BD 062/10	
379	PREMIX KHOANG DB CHO HEO CON (Premix khoáng DB cho heo con)	VN31075377	DNPV.BD 063/10	
380	HH BROILER (Premix vitamin và khoáng chất cho gia cầm thịt)	VN31084377	DNPV.BD 064/10	
381	HH LAYER (Premix vitamin và khoáng chất cho gia cầm đẻ)	VN31085377	DNPV.BD 065/10	
382	HH PIG STARTER (Premix vitamin và khoáng chất cho lợn thịt)	VN31087377	DNPV.BD 194/10	
383	PREMIX VITAMIN DB CHO HEO CON (Premix vitamin DB cho heo con)	VN31089377	DNPV.BD 066/10	
384	KHOANG DB HEO THIT (Premix vitamin và khoáng chất cho heo thịt)	VN31107377	DNPV.BD 067/10	
385	RO 1183 - HH HEO DELICE B (Premix vitamin và khoáng chất cho heo con)	VN31108377	DNPV.BD 084/10	
386	RO 107X - HH HEO DELICE A (Premix vitamin và khoáng chất cho heo con)	VN31111377	DNPV.BD 085/10	
387	RO157X - HEO LAI (Premix vitamin và khoáng chất cho heo lai)	VN31114377	DNPV.BD 086/10	
388	RO1961 - DD HEO THIT (Premix DB cho heo thịt)	VN31115377	DNPV.BD 087/10	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
389	RO1268 - HH HEO THIT (Premix vitamin và khoáng chất cho heo thịt)	VN31117377	DNPV.BD 089/10	
390	RO1677- HH HEO NAI (Premix vitamin và khoáng chất cho heo nái)	VN31118377	DNPV.BD 090/10	
391	RO 2763 - DD GA THIT (Premic vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN31119377	DNPV.BD 091/10	
392	RO 287X - DD GA DE (Premix vitamin và khoáng chất cho gà đẻ)	VN31120377	DNPV.BD 092/10	
393	RO 2765 - DD GA THIT (Premic vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN31121377	DNPV.BD 093/10	
394	RO2265 - HH GA THIT GROWER (Premix vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN31122377	DNPV.BD 094/10	
395	RO2185 - HH GA THIT STARTER (Premix vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN31123377	DNPV.BD 095/10	
396	RO2186 - HH GA THIT STARTER (Premix vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN31124377	DNPV.BD 096/10	
397	RO2266 - HH GA THIT GROWER	VN31125377	DNPV.BD 097/10	
398	RO2766 - DD GA THIT (Premix vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN31126377	DNPV.BD 098/10	
399	RO649X - VIT DE (Premix vitamin và khoáng chất cho vịt đẻ)	VN31128377	DNPV.BD 100/10	
400	RO 2183 - HH GA THIT STARTER (Premix vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN31129377	DNPV.BD 101/10	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
401	RO 2183 - HH GA THIT STARTER (Premix vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN31129377	DNPV.BD 102/10	
402	RO 3465 - HH CUT (Premix vitamin và khoáng chất cho cút)	VN31132377	DNPV.BD 103/10	
403	PREMIX DB CHO HEO NAI GIONG (Premix vitamin và khoáng chất cho heo nái giống)	VN31141377	DNPV.BD 068/10	
404	THAVIMIX BM1530 (Premix tổng hợp heo thịt giai đoạn 15 - 30 kg)	VN31147377	DNPV.BD 132/10	
405	VITAMIN DB HEO XUAT CHUONG (Premix vitamin và khoáng chất cho heo xuất chuồng)	VN31149377	DNPV.BD 070/10	
406	VITAMIN DB HEO TANG TRUONG (Premix vitamin và khoáng chất cho heo tăng trưởng)	VN31150377	DNPV.BD 071/10	
407	RO 1262 - HH HEO CON (Premix vitamin và khoáng chất cho heo con)	VN31156377	DNPV.BD 104/10	
408	RO 1266 - HH HEO CON Premix vitamin và khoáng chất cho heo con)	VN31157377	DNPV.BD 105/10	
409	MEAT DUCK PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho vịt thịt)	VN31159377	DNPV.BD 027/11	
410	PREMIX PIGLET CODE 163 VERSION 02 (Premix vitamin và khoáng chất cho heo con)	VN31163377	DNPV.BD 039/11	
411	VITAMIN DB HEO XUAT CHUONG (NO ANTIBIO.) (Premix vitamin và khoáng chất cho heo)	VN31167377	DNPV.BD 103/11	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
412	PREMIX DB GA DE - NO ANTIBIOTIC (Premix vitamin và khoáng chất cho gà đẻ)	VN31172377	DNPV.BD 001/10	
413	PREMIX DB VIT THIT - NO ANTIBIOTIC (Premix vitamin và khoáng chất cho vịt thịt)	VN31173377	DNPV.BD 104/11	
414	RO 2183 - HH GA THIT STARTER (Premix vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN31129377	DNPV.BD 195/10	
415	PREMIX DB VIT DE - NO ANTIBIOTIC (Premix vitamin và khoáng chất cho vịt đẻ)	VN31175377	DNPV.BD 074/10	
416	PREMIX DB VIT THIT (Premix vitamin và khoáng chất cho vịt thịt)	VN31176377	DNPV.BD 002/10	
417	RO 2183 - HH GA THIT STARTER (Premix vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN31129377	DNPV.BD 075/10	
418	CUSTOMIX 07 (Premix vitamin và khoáng chất cho vịt)	VN31180377	DNPV.BD 076/10	
419	THAVIMIX 0045 - BROILER PREMIX (Premix tổng hợp gia cầm thịt)	VN31183377	DNPV.BD 136/10	
420	HV PREMIX (Premix Vitamin và khoáng chất cho lợn thịt)	VN31185377	DNPV.BD 003/10	
421	PREMIX DH700 (Premix vitamin và khoáng chất cho bò)	VN31205377	DNPV.BD 161/10	
422	PREMIX DH100 (Premix vitamin và khoáng chất cho heo)	VN31216377	DNPV.BD 197/10	
423	PREMIX DH200 (Premix vitamin và khoáng chất cho heo)	VN31217377	DNPV.BD 198/10	
424	PREMIX DH300 (Premix vitamin và khoáng chất cho heo)	VN31218377	DNPV.BD 199/10	
425	PREMIX DH400 (Premix vitamin và khoáng chất cho vịt)	VN31219377	DNPV.BD 200/10	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
426	PREMIX DH500 (Premix vitamin và khoáng chất cho gà)	VN31220377	DNPV.BD 201/10	
427	RO 1261 - HH HEO CON (Premix vitamin và khoáng chất cho heo con)	VN31221377	DNPV.BD 106/10	
428	PREMIX VITAMIN DB CHO HEO CON (N) (Premix vitamin DB cho heo con)	VN31256377	DNPV.BD 202/10	
429	BROILER PREMIX LH P01 (Premix vitamin và khoáng cho gia cầm thịt)	VN31257377	DNPV.BD 175/10	
430	PREMIX DH700 (Premix vitamin và khoáng chất cho bò)	VN31262377	DNPV.BD 196/10	
431	RO 2183 - HH GA THIT STARTER (Premix vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN31129377	DNPV.BD 001/11	
432	LAYER (Premix vitamin và khoáng chất cho gà đẻ)	VN31281377	DNPV.BD 002/11	
433	DUCK (Premix vitamin và khoáng chất cho vịt)	VN31282377	DNPV.BD 003/11	
434	KEDIMIX-GS Plex (Premix khoáng hữu cơ cho heo nái)	VN31283377	DNPV.BD 065/11	
435	YA12 NEW - PREMIX DUNG CHO GIA CAM THIT (Premix vitamin và khoáng chất cho gia cầm thịt)	VN31297377	DNPV.BD 105/11	
436	KEDIMIX - SGL (SWINE BREEDER PREMIX) (Premix tổng hợp cho heo nái)	VN31298377	DNPV.BD 067/11	
437	KA PIG PREMIX (Premix vitamin khoáng cho lợn thịt)	VN31305377	DNPV.BD 090/11	
438	THAVIMIX V1530 (Premix vitamin và khoáng chất heo thịt)	VN31311377	DNPV.BD 110/11	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
439	3 - NITRO 50% (Premix phòng cầu trùng cho gia súc, gia cầm)	VN80011377	DNPV.BD 141/10	
440	MANDURICOX 1% (Premix phòng cầu trùng cho gia súc, gia cầm)	VN80017377	DNPV.BD 142/10	
441	SALINOCOX 12% (Premix phòng cầu trùng cho gia súc, gia cầm)	VN80018377	DNPV.BD 203/10	
442	SOBERED (Premix phòng cầu trùng cho gia súc, gia cầm)	VN80045377	DNPV.BD 153/09	
443	SOBE - NITRO (Premix phòng cầu trùng cho gia súc, gia cầm)	VN80085377	DNPV.BD 060/08	
444	SALINOCOX 12% (Premix phòng cầu trùng cho gia súc, gia cầm)	VN80098329	DNPV.BD 093/11	
	Công ty TNHH Guyomarc'h Việt Nam Địa chỉ: Ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương Điện thoại: 0650.3740.414. Fax: 0650.3740.615			
445	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con từ 07kg - 08kg	Jolie 1	04:2011/GUYO-VN	
446	Thức ăn hỗn hợp dạng bột và dạng viên cho heo con từ 08kg - 15kg	Jolie 2	05:2011/GUYO-VN	
447	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ 15kg - xuất chuồng	Boss 1	06:2011/GUYO-VN	
448	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ sau cai sữa - xuất chuồng	Boss 9999	07:2011/GUYO-VN	
449	Thức ăn hỗn hợp dạng bột và dạng viên cho heo thịt từ 15kg - 30kg	Boss-110	08:2011/GUYO-VN	
450	Thức ăn hỗn hợp dạng bột và dạng viên cho heo thịt từ 30kg - 60kg	Boss-112	09:2011/GUYO-VN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
451	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 60kg - xuất chuồng	Boss-114	10:2011/GUYO-VN	
452	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 15kg - 50kg	Boss Phổi	11:2011/GUYO-VN	
453	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo nái chữa	M-16	12:2011/GUYO-VN	
454	Thức ăn hỗn hợp dạng bột & viên cho heo nái chửa	M-116	13:2011/GUYO-VN	
455	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái chửa và đực giống	GUYO-Vạn Năng	14:2011/GUYO-VN	
456	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo nái nuôi con	M-18	15:2011/GUYO-VN	
457	Thức ăn hỗn hợp dạng bột & viên cho heo nái nuôi con	M-118	16:2011/GUYO-VN	
458	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà màu từ 01 ngày tuổi đến 28 ngày tuổi	CK 222	17:2011/GUYO-VN	
459	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà màu từ 29 ngày tuổi đến xuất chuồng	CK 224	18:2011/GUYO-VN	
460	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà con siêu thịt từ 01 ngày tuổi đến 21 ngày tuổi	CK 242	19:2011/GUYO-VN	
461	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà siêu thịt từ 22 ngày tuổi đến 42 ngày tuổi	CK 262	20:2011/GUYO-VN	
462	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà siêu thịt từ 43 ngày tuổi đến xuất chuồng	CK 282	21:2011/GUYO-VN	
463	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ siêu trứng	DK 777	22:2011/GUYO-VN	
464	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt con từ 01 ngày tuổi đến 21 ngày tuổi	DK 722	23:2011/GUYO-VN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
465	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất chuồng	DK 724	24:2011/GUYO-VN	
466	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt hậu bị từ 13 tuần tuổi đến 26 tuần tuổi	DK 726	25:2011/GUYO-VN	
467	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút đẻ	QL 555	26:2011/GUYO-VN	
	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hà An Địa chỉ: Thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương Điện thoại: 0650.3641.614. Fax: 0650.36541254			
468	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng	HANCO700S, X-TREME 900S	HA.BD 01/05	
469	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng	HANCO 9630S	HA.BD 01/06	
470	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng	VISA 450, SOLA250, SONY 850	HA.BD 01/07	
471	Thức ăn hỗn hợp đậm đặc dạng bột cho gà từ mới nở đến xuất chuồng	HANCO 742, VISA 442, SOLA 242, SONY 842	HA.BD 01/09	
472	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng	HANCO710 S, X-TREME910S	HA.BD 02/05	
473	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo lai nuôi thịt từ 60kg đến xuất chuồng.	HANCO Tạo nạc	HA.BD 02/06	
474	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng	VISA 448, SOLA248, SONY 848	HA.BD 02/07	
475	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng	HANCO720S, X-TREME 920S	HA.BD 03/05	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
476	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng	HANCO 9600 S	HA.BD 03/06	
477	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng	VISA 446, SOLA246, SONY 846	HA.BD 03/07	
478	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo nái mang thai và nuôi con	HANCO730, X-TREME930	HA.BD 04/05	
479	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho nái mang thai và nái nuôi con	VISA 438, SOLA238, SONY 838	HA.BD 04/07	
480	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con tập ăn từ 7 ngày tuổi đến 7kg	HANCO740, X-TREME940	HA.BD 05/05	
481	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng	VISA 440, SOLA240, SONY 840	HA.BD 05/07	
482	Thức ăn hỗn hợp cho heo con sau cai sữa từ 7 ngày đến 15kg (dạng bột hoặc viên)	HANCO750, X-TREME950	HA.BD 06/05	
483	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con từ 7 ngày tuổi đến 7 kg	VISA 422, SOLA222, SONY 822	HA.BD 06/07	
484	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 15kg đến 30 kg (dạng bột hoặc viên)	HANCO760, X-TREME960	HA.BD 07/05	
485	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (viên) cho heo con từ 7 ngày tuổi đến 15 kg	VISA 420, SOLA220, SONY 820	HA.BD 07/07	
486	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 30kg đến 60 kg (dạng bột hoặc viên)	HANCO770, X-TREME970	HA.BD 08/05	
487	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (viên) cho heo con từ 15 kg đến 30kg	VISA 417, SOLA217, SONY 817	HA.BD 08/07	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
488	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 60 kg đến xuất chuồng (dạng bột hoặc viên)	HANCO780, X-TREME980	HA.BD 09/05	
489	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (viên) cho heo thịt từ 30 kg đến 60kg	VISA 415, SOLA215, SONY 815	HA.BD 09/07	
490	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (viên) cho heo thịt từ 60 kg đến xuất chuồng	VISA 413, SOLA213, SONY 213	HA.BD 10/07	
491	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (viên) cho heo thịt từ 50kg đến xuất chuồng	VISA Tạo nạc, SOLA Tạo nạc, SONY Tạo nạc	HA.BD 11/07	
492	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (viên) cho nái nuôi con	VISA 416N, SOLA 216N, SONY 816N	HA.BD 12/07	
493	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (viên) cho nái lai nuôi con	VISA 415N, SOLA 215N, SONY 215N	HA.BD 13/07	
494	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (viên) cho nái mang thai	VISA 414N, SOLA 214N, SONY 814N	HA.BD 14/07	
495	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (viên) cho heo lai từ 15kg đến 30 kg	VISA 416, SOLA 216, SONY 816	HA.BD 15/07	
496	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (viên) cho heo lai từ 30 kg đến 60 kg	VISA 414, SOLA 214, SONY 814.	HA.BD 16/07	
497	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (viên) cho heo lai từ 60 kg đến xuất chuồng	VISA 412, SOLA 212, SONY 812.	HA.BD 17/07	
498	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ hướng trứng	HANCO 70, VISA 70, SOLA 70, SONY 70	HA.BD 18/07	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
499	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ hướng trứng	HANCO 74, VISA 74, SOLA 74, SONY 74	HA.BD 19/07	
500	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ hướng thịt	HANCO 71, VISA 71, SOLA 71, SONY 71	HA.BD 20/07	
501	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt con từ 1 ngày tuổi đến 28 ngày	HANCO 72, VISA 72, SOLA 72, SONY 72	HA.BD 21/07	
502	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt chạy đồng từ 28 ngày tuổi đến xuất	HANCO 73, VISA 73, SOLA 73, SONY 73	HA.BD 22/07	
503	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (viên) cho bò sữa	HANCO90, VISA90, SOLA90	HA.BD 23/07	
504	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (viên) cho bò thịt	HANCO91, VISA91, SOLA91	HA.BD 24/07	
505	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà đẻ trứng	HANCO 80, VISA 80, SOLA 80, SONY 80	HA.BD 25/07	
506	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà sinh sản hướng trứng	HANCO 84, VISA 84, SOLA 84, SONY 84	HA.BD 26/07	
507	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà con từ 1 ngày tuổi đến 28 ngày tuổi	HANCO 81, VISA 81, SOLA 81, SONY 81	HA.BD 27/07	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
508	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt thả vườn từ 5 tuần tuổi đến 8 tuần tuổi	HANCO 82, VISA 82, SOLA 82, SONY 82	HA.BD 28/07	
509	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt thả vườn lớn hơn 8 tuần tuổi	HANCO 83, VISA 83, SOLA 83, SONY 83	HA.BD 29/07	
510	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt chạy đồng	HANCO 75, VISA 75, SOLA 75, SONY 75	HA.BD 30/07	
	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hoàng Long Địa chỉ: Đường số 1, KCN Tân Đông Hiệp B, phường Tân Đông Hiệp, Tx. Dĩ An, Bình Dương Tel: 06503.728255. Fax: 06503.728257			
511	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 15kg đến 30kg	B*FEED 2100	HL.BD 01/06	
512	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30kg đến 60kg	B*FEED 2200	HL.BD 02/06	
513	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 60kg đến xuất	B*FEED 2300	HL.BD 03/06	
514	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30kg đến xuất	B*FEED 2350	HL.BD 04/06	
515	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái khô, heo nọc	B*FEED 2400	HL.BD 05/06	
516	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái nuôi con	B*FEED 2500	HL.BD 06/06	
517	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ đặc biệt	ENZO 800	HL.BD 07/07	
518	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ giống bố mẹ	ENZO 800A	HL.BD 07/07	
519	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt con từ 1 đến 21 ngày tuổi	B*FEED 5200A	HL.BD 08/07	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
520	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt con từ 1 đến 21 ngày tuổi	BIOMIX 6200	HL.BD 08/07	
521	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt con từ 1 đến 21 ngày tuổi	ENZO 801	HL.BD 08/07	
522	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt vỗ béo, vịt thịt từ 21 ngày tuổi đến xuất bán	B*FEED 5300A	HL.BD 09/07	
523	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt vỗ béo, vịt thịt từ 21 ngày tuổi đến xuất bán	BIOMIX 6300	HL.BD 09/07	
524	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt vỗ béo, vịt thịt từ 21 ngày tuổi đến xuất bán	ENZO 802	HL.BD 09/07	
525	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ đặc biệt	B*FEED 5100	HL.BD 11/06	
526	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ đặc biệt	BIOMIX 6100	HL.BD 12/06	
527	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ giống bố mẹ	BIOMIX 6100A	HL.BD 12/06	
528	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 15kg đến 30kg	BIOMIX 3301	HL.BD 13/05	
529	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30kg đến 60kg	BIOMIX 3302	HL.BD 14/05	
530	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 60kg đến xuất	BIOMIX 3303	HL.BD 15/05	
531	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30kg đến xuất	BIOMIX 3304	HL.BD 16/05	
532	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái khô, heo nọc	BIOMIX 3305	HL.BD 17/05	
533	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ giống bố mẹ	B*FEED 5100A	HL.BD 17/07	
534	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái nuôi con	BIOMIX 3306	HL.BD 18/05	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
	Công ty TNHH Kim Long Địa chỉ: Km 7, Lê Hồng Phong, Phú Hòa, Tx. Thủ Dầu Một, Bình Dương Tel: 0650.8320065; Fax: 0650.3820845			
535	Thức ăn hỗn hợp cho gà con siêu thịt từ 01 - 28 ngày tuổi	501-S, 9631S	001 Tg/08	
536	Thức ăn hỗn hợp cho gà con siêu thịt từ 01 - 28 ngày tuổi	501-A	001 Tg/09	
537	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 15 - 30 kg	A-15	001 Th/08	
538	Thức ăn đậm đặc cho heo sau cai sữa - xuất chuồng	1080	001 Th/09	
539	Thức ăn đậm đặc cho vịt đẻ	6030	001 Tv/09	
540	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 28 ngày tuổi - xuất	9632S, 502-S, 502-A	002 Tg/08	
541	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị từ 9 - 18 tuần tuổi	211	002 Tg/10	
542	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 30 - 60kg	6, A-30	002 Th/08	
543	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trên 19 tuần tuổi	212	003 Tg/10	
544	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 60 - xuất chuồng	7	003 Th/08	
545	Thức ăn hỗn hợp cho vịt con siêu thịt từ 01 - 21 ngày tuổi	9641S	003 Tv/08	
546	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ trên 20 tuần tuổi	312	003 Tv/10	
547	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai	10	004 Th/08	
548	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ giống	9647	004 Tv/08	
549	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ, ngan đẻ	R 05, R 05A	004 Tv/10	
550	Thức ăn hỗn hợp cho heo con tập ăn - 15 kg	07-S, 9651, A-07	005 Th/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
551	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ, ngan đẻ	Thức ăn hỗn hợp cho Vịt Tỷ	005 Tv/10	
552	Thức ăn đậm đặc cho heo nái mang thai và nái nuôi con	PH35S, 939-S, 9253, 939-A	006 Th/08	
553	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt sau cai sữa - xuất chuồng	PH38S, 9252, 929-S	007 Th/08	
554	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt siêu nạc sau cai sữa - xuất chuồng	PH46-S, 9251, 919-S, A-09, 919-A	008 Th/08	
555	Thức ăn hỗn hợp cho heo giống 15 - 30 kg	01-S, 9052, 01-A	009 Th/08	
556	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 15 kg - 30 kg	9055, PH20	010 Th/08	
557	Thức ăn hỗn hợp cho heo giống từ 30kg - trên 60 kg	9654, 03-S, 60-S, 9054, 9056, PH30	011 Th/08	
558	Thức ăn hỗn hợp cho gà từ 01 ngày tuổi - xuất	710-A, 710, 9633	012 Tg/08	
559	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 15 - 30 kg và nái nuôi con	D	013 Th/08	
560	Thức ăn hỗn hợp cho vịt từ 21 ngày tuổi - xuất	602, 9642	014 Tv/08	
561	Thức ăn hỗn hợp cho gà con từ 01 - 28 ngày tuổi	9631, 501	015 Tg/08	
562	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ	99, 999	015 Tv/08	
563	Thức ăn hỗn hợp cho heo giống từ 20 - 40 kg	150-S, 9655	016 Th/08	
564	Thức ăn hỗn hợp cho vịt con từ 01 - 21 ngày tuổi	9641, 901, 601	017 Tv/08	
565	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con	10-B, 9657	018 Th/08	
566	Thức ăn hỗn hợp cho heo hậu bị và nái mang thai	10-A, 9656	019 Th/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
567	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ chạy đồng	9645, 9646, 3300, 603, 603-D, 603-T	020 Tv/08	
568	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ	905, 905-N, 905-T	021 Tv/08	
569	Thức ăn hỗn hợp cho gà thả vườn từ 28 ngày - xuất	5022	022 Tg/08	
570	Thức ăn hỗn hợp cho gà thả vườn từ 28 ngày - xuất	502	023 Tg/08	
571	Thức ăn hỗn hợp cho vịt	904	024 Tv/08	
572	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ chạy đồng	6033, 9644	025 Tv/08	
573	Thức ăn hỗn hợp cho heo giống 15 - 30 kg	15-S, 9652, PH15	026 Th/08	
574	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 30 kg - 60 kg	PH16, 02-S, 30-S, 9653, 9053, 02-A	027 Th/08	
575	Thức ăn hỗn hợp cho heo sau cai sữa	09-S	028 Th/09	
576	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ	509	029 Tg/08	
577	Thức ăn hỗn hợp cho gà thả vườn từ 28 ngày - xuất	9632	030 Tg/08	
578	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt vỗ béo	5033	032 Tg/08	
579	Thức ăn hỗn hợp cho gà thả vườn từ 01 ngày tuổi - xuất	506	035 Tg/08	
580	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 20 - xuất chuồng	8	039 Th/08	
581	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt sau cai sữa - xuất chuồng	9254	040 Th/08	
	Công ty TNHH Thức ăn gia súc Lái Thiêu Địa chỉ: 48B, Quốc lộ 13, phường Lái Thiêu, TX Thuận An, Bình Dương Tel: 06503 754 159. Fax: 06503 743 292			
582	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con từ tập ăn đến 8kg (dạng bột, viên)	A10	LT.BD 001/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
583	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con tập ăn đến 15kg (dạng bột, viên)	A18	LT.BD 001/09	
584	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con từ 8kg đến 15kg (dạng bột, viên)	A20	LT.BD 002/08	
585	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con tập ăn đến 15kg (dạng bột, viên)	A	LT.BD 002/09	
586	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 15kg đến 30kg (dạng bột, viên)	26	LT.BD 003/08	
587	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 15kg đến 30kg (dạng bột, viên)	D	LT.BD 003/09	
588	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 30kg đến 60kg (dạng bột, viên)	27	LT.BD 004/08	
589	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30kg đến 70kg (dạng bột, viên)	6	LT.BD 004/09	
590	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 60kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	28	LT.BD 005/08	
591	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 70kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	7	LT.BD 005/09	
592	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 20kg đến 50kg (dạng bột, viên)	29A	LT.BD 006/08	
593	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo hậu bị, nái mang thai & nái khô (dạng bột, viên)	8	LT.BD 006/09	
594	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 50kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	29B	LT.BD 007/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
595	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột, viên)	9	LT.BD 007/09	
596	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo hậu bị, nái mang thai và nái khô (dạng bột, viên)	8	LT.BD 008/08	
597	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg đến xuất chuồng (dạng bột)	C	LT.BD 008/09	
598	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột, viên)	9	LT.BD 009/08	
599	Thức ăn đậm đặc "cao đạm" dùng cho heo từ 15kg đến xuất chuồng (dạng bột)	C260	LT.BD 009/09	
600	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo đực giống (dạng bột, viên)	11	LT.BD 010/08	
601	Thức ăn đậm đặc "cao đạm" dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	C261	LT.BD 010/09	
602	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con tập ăn đến sau cai sữa 1 tuần (dạng bột, viên)	A70	LT.BD 011/08	
603	Thức ăn đậm đặc "cao đạm thượng hạng" dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	C262	LT.BD 011/09	
604	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con từ sau cai sữa 1 tuần đến 30kg (dạng bột, viên)	A75	LT.BD 012/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
605	Thức ăn đậm đặc "cao đạm" dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	C263	LT.BD 012/09	
606	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 30kg đến 50kg (dạng bột, viên)	76	LT.BD 013/08	
607	Thức ăn đậm đặc "cao đạm thượng hạng tăng tốc" dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	X7000	LT.BD 013/09	
608	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 50kg đến 70kg (dạng bột, viên)	77	LT.BD 014/08	
609	Thức ăn đậm đặc: siêu cao đạm tăng tốc" dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	X8000	LT.BD 014/09	
610	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 70kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	78	LT.BD 015/08	
611	Thức ăn đậm đặc "siêu đạm tăng tốc" dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	X9000	LT.BD 015/09	
612	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 20kg đến 50kg (dạng bột, viên)	79A	LT.BD 016/08	
613	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái chửa, nái đẻ (dạng bột)	C1	LT.BD 016/09	
614	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 1 đến 42 ngày (dạng bột, viên)	1A	LT.BD 017/09	
615	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 43 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	1B	LT.BD 018/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
616	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 1 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	1C	LT.BD 019/09	
617	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 1 đến 28 ngày (dạng bột, viên)	107	LT.BD 020/09	
618	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 29 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	109	LT.BD 021/09	
619	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng vỗ béo, xuất bán (dạng bột, viên)	11C	LT.BD 022/09	
620	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 1 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	1501	LT.BD 023/09	
621	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 22 đến 42 ngày (dạng bột, viên)	1502	LT.BD 024/09	
622	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 43 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	1503	LT.BD 025/09	
623	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ (dạng bột, viên)	100	LT.BD 026/09	
624	Thức ăn đậm đặc dùng để trộn cho gà thịt giúp gà tăng trọng nhanh, da vàng, chân vàng (dạng bột, viên)	C46	LT.BD 027/09	
625	Thức ăn đậm đặc dùng để trộn cho gà đẻ (dạng bột, viên)	C34	LT.BD 028/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
626	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	221	LT.BD 029/09	
627	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 22 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	224	LT.BD 030/09	
628	Thức ăn hỗn hợp dùng vỗ béo vịt chạy đồng (dạng bột, viên)	22	LT.BD 031/09	
629	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 đến 28 ngày (dạng bột, viên)	22A	LT.BD 032/09	
630	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 29 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	22B	LT.BD 033/09	
631	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	22C	LT.BD 034/09	
632	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ	22D	LT.BD 035/09	
633	Thức ăn hỗn hợp "cao đạm" dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	200	LT.BD 036/09	
634	Thức ăn đậm đặc dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	3035	LT.BD 037/09	
635	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút hậu bị từ 1 - 35 ngày (dạng bột, viên)	1100	LT.BD 038/09	
636	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ (dạng bột, viên)	1200	LT.BD 039/09	
637	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò sữa (dạng bột, viên)	12	LT.BD 040/09	
638	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò thịt thương phẩm	18	LT.BD 041/09	
639	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà hậu bị từ 6 tuần đến 18 tuần (dạng bột, viên)	110	LT.BD 042/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
640	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con tập ăn đến 15kg (dạng bột, viên)	A25	LT.BD 043/09	
641	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 15kg đến 50kg (dạng bột, viên)	A26	LT.BD 044/09	
642	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 25kg đến 60kg (dạng bột, viên)	223	LT.BD 045/09	
643	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 20kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	222	LT.BD 046/09	
644	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 60kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	224	LT.BD 047/09	
645	Thức ăn hỗn hợp dùng tạo nạc cho heo từ 30kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	220	LT.BD 048/09	
646	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo hậu bị, nái mang thai & nái khô (dạng bột, viên)	225	LT.BD 049/09	
647	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột, viên)	226	LT.BD 050/09	
648	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con tập ăn đến 15kg (dạng bột, viên)	212B	LT.BD 051/09	
649	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 15kg đến 30kg (dạng bột, viên)	214B	LT.BD 052/09	
650	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30kg đến 50kg (dạng bột, viên)	215B	LT.BD 053/09	
651	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 20kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	216B	LT.BD 054/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
652	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 70kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	217B	LT.BD 055/09	
653	Thức ăn hỗn hợp dùng tạo nạc cho heo từ 30kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	220N	LT.BD 056/09	
654	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo hậu bị, nái mang thai & nái khô (dạng bột & viên)	218B	LT.BD 057/09	
655	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột, viên)	219B	LT.BD 058/09	
656	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	4110	LT.BD 059/09	
657	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg đến xuất chuồng (dạng bột)	4120	LT.BD 060/09	
658	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 20kg đến xuất chuồng (dạng bột)	4130	LT.BD 061/09	
659	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng (dạng bột)	4135	LT.BD 062/09	
660	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng (dạng bột)	4140	LT.BD 063/09	
661	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng (dạng bột)	4150	LT.BD 064/09	
662	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng (dạng bột)	4160	LT.BD 065/09	
663	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái chửa, nái đẻ (dạng bột)	N200	LT.BD 066/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
664	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột)	N400	LT.BD 067/09	
665	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 1 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	515	LT.BD 068/09	
666	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 22 ngày đến 42 ngày (dạng bột, viên)	516	LT.BD 069/09	
667	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 43 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	517	LT.BD 070/09	
668	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 1 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	518	LT.BD 071/09	
669	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng vỗ béo, xuất bán (dạng bột, viên)	519	LT.BD 072/09	
670	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 1 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	7770	LT.BD 073/09	
671	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 22 đến 42 ngày (dạng bột, viên)	7880	LT.BD 074/09	
672	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 43 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	7990	LT.BD 075/09	
673	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà hậu bị từ 6 tuần đến 18 tuần (dạng bột, viên)	9989	LT.BD 076/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
674	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ (dạng bột, viên)	9990	LT.BD 077/09	
675	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà thịt từ 01 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	160G	LT.BD 078/09	
676	Thức ăn đậm đặc "cao đạm" dùng cho gà thịt từ 01 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	170G	LT.BD 079/09	
677	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà đẻ (dạng bột, viên)	180G	LT.BD 080/09	
678	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 đến 28 ngày (dạng bột, viên)	3060	LT.BD 081/09	
679	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 29 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	3070	LT.BD 082/09	
680	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt vỗ béo, xuất bán (dạng bột, viên)	3080	LT.BD 083/09	
681	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	3090	LT.BD 084/09	
682	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	6660	LT.BD 085/09	
683	Thức ăn hỗn hợp "cao đạm" dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	6885	LT.BD 086/09	
684	Thức ăn đậm đặc dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	6996	LT.BD 087/09	
685	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút hậu bị từ 1 - 35 ngày (dạng bột, viên)	2002	LT.BD 088/09	
686	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ (dạng bột, viên)	2003	LT.BD 089/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
687	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò sữa (dạng bột, viên)	378	LT.BD 090/09	
688	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò thịt thương phẩm (dạng bột, viên)	379	LT.BD 091/09	
689	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con tập ăn đến 15kg (dạng bột, viên)	S12	LT.BD 092/09	
690	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 15kg đến 50kg (dạng bột, viên)	S16	LT.BD 093/09	
691	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 15kg đến 70kg (dạng bột, viên)	S17	LT.BD 094/09	
692	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 50kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	S18	LT.BD 095/09	
693	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30kg đến 70kg (dạng bột, viên)	S19	LT.BD 096/09	
694	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 70kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	S20	LT.BD 097/09	
695	Thức ăn hỗn hợp dùng tạo nạc cho heo từ 30kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	S27	LT.BD 098/09	
696	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo hậu bị, nái mang thai & nái khô (dạng bột, viên)	S24	LT.BD 099/09	
697	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột, viên)	S26	LT.BD 100/09	
698	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con tập ăn đến 15kg (dạng bột, viên)	S21	LT.BD 101/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
699	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 20kg đến 50kg (dạng bột, viên)	S22	LT.BD 102/09	
700	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 50kg đến 80kg (dạng bột, viên)	S32	LT.BD 103/09	
701	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 80kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	S42	LT.BD 104/09	
702	Thức ăn hỗn hợp dùng tạo nạc cho heo từ 30kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	S55	LT.BD 105/09	
703	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo hậu bị, nái mang thai & nái khô (dạng bột, viên)	S52	LT.BD 106/09	
704	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột, viên)	S62	LT.BD 107/09	
705	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	E14	LT.BD 108/09	
706	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	E15	LT.BD 109/09	
707	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg đến xuất chuồng (dạng bột)	E16	LT.BD 110/09	
708	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng (dạng bột)	E17	LT.BD 111/09	
709	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng (dạng bột)	E18	LT.BD 112/09	
710	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng (dạng bột)	E19	LT.BD 113/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
711	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái chửa, nái đẻ (dạng bột)	2228N	LT.BD 114/09	
712	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột)	2229N	LT.BD 115/09	
713	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 1 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	V401	LT.BD 116/09	
714	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 22 ngày đến 42 ngày (dạng bột, viên)	V402	LT.BD 117/09	
715	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 43 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	V403	LT.BD 118/09	
716	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 1 ngày đến xuất bán	V404	LT.BD 119/09	
717	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng vỗ béo, xuất bán (dạng bột, viên)	V405	LT.BD 120/09	
718	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 1 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	2346	LT.BD 121/09	
719	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 22 đến 42 ngày (dạng bột, viên)	2347	LT.BD 122/09	
720	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 43 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	2348	LT.BD 123/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
721	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà hậu bị từ 6 tuần đến 18 tuần (dạng bột, viên)	2349	LT.BD 124/09	
722	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ (dạng bột, viên)	2340	LT.BD 125/09	
723	Thức ăn đậm đặc "cao đạm" dùng cho gà thịt từ 01 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	G604	LT.BD 126/09	
724	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà thịt từ 01 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	G606	LT.BD 127/09	
725	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà đẻ (dạng bột, viên)	G607	LT.BD 128/09	
726	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 đến 28 ngày (dạng bột, viên)	313	LT.BD 129/09	
727	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 29 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	323	LT.BD 130/09	
728	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	343	LT.BD 131/09	
729	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	360	LT.BD 132/09	
730	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	370	LT.BD 133/09	
731	Thức ăn đậm đặc dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	380	LT.BD 134/09	
732	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút hậu bị từ 1 - 35 ngày (dạng bột, viên)	C3000	LT.BD 135/09	
733	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ (dạng bột, viên)	C3400	LT.BD 136/09	
734	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò sữa (dạng bột, viên)	BS76	LT.BD 137/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
735	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò thịt thương phẩm (dạng bột, viên)	BS77	LT.BD 138/09	
736	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con tập ăn đến 15kg (dạng bột, viên)	70A, CV72	LT.BD 139/09	
737	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 15kg đến 30kg (dạng bột, viên)	66, CV64	LT.BD 140/09	
738	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30kg đến 70kg (dạng bột, viên)	67, CV65	LT.BD 141/09	
739	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 70kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	68, CV69	LT.BD 142/09	
740	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 20kg đến 50kg (dạng bột, viên)	75, CV76	LT.BD 143/09	
741	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	79, CV78	LT.BD 144/09	
742	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo hậu bị, nái mang thai & nái khô (dạng bột, viên)	80, CV80	LT.BD 145/09	
743	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột, viên)	90, CV90	LT.BD 146/09	
744	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg đến xuất chuồng (dạng bột)	7159	LT.BD 147/09	
745	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 10kg đến xuất chuồng (dạng bột)	7160	LT.BD 148/09	
746	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	7165	LT.BD 149/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
747	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng (dạng bột)	7170	LT.BD 150/09	
748	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng (dạng bột)	7175	LT.BD 151/09	
749	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái chửa, nái đẻ (dạng bột)	7180	LT.BD 152/09	
750	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột)	7185	LT.BD 153/09	
751	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 1 đến 42 ngày (dạng bột, viên)	131	LT.BD 154/09	
752	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 42 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	232	LT.BD 155/09	
753	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 01 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	434	LT.BD 156/09	
754	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 1 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	535	LT.BD 157/09	
755	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 22 đến 42 ngày (dạng bột, viên)	636	LT.BD 158/09	
756	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 43 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	737	LT.BD 159/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
757	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà hậu bị từ 6 tuần đến 18 tuần (dạng bột, viên)	837	LT.BD 160/09	
758	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ siêu trứng (dạng bột, viên)	838	LT.BD 161/09	
759	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà thịt từ 01 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	6198	LT.BD 162/09	
760	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà đẻ (dạng bột, viên)	6199	LT.BD 163/09	
761	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 đến 28 ngày (dạng bột, viên)	525	LT.BD 164/09	
762	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 29 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	626	LT.BD 165/09	
763	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	727	LT.BD 166/09	
764	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ siêu trứng (dạng bột, viên)	828	LT.BD 167/09	
765	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ siêu trứng (dạng bột, viên)	929	LT.BD 168/09	
766	Thức ăn hỗn hợp cao đạm dùng cho vịt, ngan đẻ siêu trứng (dạng bột, viên)	944	LT.BD 169/09	
767	Thức ăn đậm đặc dùng cho vịt, ngan đẻ siêu trứng (dạng bột, viên)	7007	LT.BD 170/09	
768	Thức ăn đậm đặc cao đạm dùng cho vịt, ngan đẻ siêu trứng (dạng bột, viên)	8008	LT.BD 171/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
769	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút hậu bị từ 1 - 35 ngày (dạng bột, viên)	1400	LT.BD 172/09	
770	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ (dạng bột, viên)	1700	LT.BD 173/09	
771	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò sữa (dạng bột, viên)	979B	LT.BD 174/09	
772	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò thịt thương phẩm (dạng bột, viên)	878B	LT.BD 175/09	
	Công ty cổ phần Thức ăn dinh dưỡng Nutifarm Địa chỉ: Lô B2 - 54 Đường số 1, KCN Tân Đông Hiệp B, Tx. Dĩ An, Bình Dương Điện thoại: 0650.3738888. Fax: 0650.3738666			
773	Thức ăn đậm đặc heo nái chửa, nuôi con	12, Maxi 12, Wave 12, Nuti 12	001:2011/NTF	
774	Thức ăn đậm đặc cho heo từ 5 kg - xuất thịt	01, Maxi 01, Wave 01, Nuti 01	002:2011/NTF	
775	Thức ăn đậm đặc cho heo cai sữa - xuất thịt	02S, Maxi 02S, Wave 02S, Nuti 02S	003:2011/NTF	
776	Thức ăn đậm đặc cho heo từ 5 kg - xuất thịt	02, Maxi 02, Wave 02, Nuti 02	004:2011/NTF	
777	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con từ 7 ngày đến tập ăn	1000, Maxi 1000, Wave 1000, Nuti 1000, 1000A, Maxi 1000A, Wave1000A, Nuti 1000A	005:2011/NTF	
778	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con từ tập ăn đến 15 kg	1020A, Maxi 1020A, Wave 1020A, Nuti 1020A	006:2011/NTF	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
779	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo từ 15 - 30 kg	1100A, Maxi 1100A, Wave 1100A, Nuti 1100A	007:2011/NTF	
780	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo từ 30 - 60 kg	1200A, Maxi 1200A, Wave 1200A, Nuti 1200A	008:2011/NTF	
781	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo từ 60kg đến xuất thịt	1300A, Maxi 1300A, Wave 1300A, Nuti 1300A	009:2011/NTF	
782	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo từ 15 - 30 kg	1100L, Maxi 1100L, Wave 1100L, Nuti 1100L, 1500, Maxi 1500, Wave 1500, Nuti 1500	010:2011/NTF	
783	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo từ 30 - 60 kg	1200L, Maxi 1200L, Wave 1200L, Nuti 1200L, 1600, Maxi 1600, Wave 1600, Nuti 1600	011:2011/NTF	
784	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo từ 60kg đến xuất thịt	1300L, Maxi 1300L, Wave 1300L, Nuti 1300L, 1700, Maxi 1700, Wave 1700, Nuti 1700	012:2011/NTF	
785	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo từ 30kg đến xuất thịt	Tạo nạc, Maxi Tạo nạc,	013:2011/NTF	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
		Wave Tạo nạc, Nuti Tạo nạc		
786	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo giống, hậu bị, nọc, nái chửa	1840, Maxi 1840, Wave 1840, Nuti 1840, 1840L, Maxi 1840L, Wave1840L, Nuti1840L, 1840A, Maxi 1840A, Wave 1840A, Nuti 1840A, 1040, Maxi 1040, Wave 1040, Nuti 1040	014:2011/NTF	
787	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo nái nuôi con, tiết sữa	1850, Maxi 1850, Wave 1850, Nuti 1850, 1850A, Maxi 1850A, Wave1850A, Nuti1850A, 1050, Maxi 1050, Wave 1050, Nuti 1050	015:2011/NTF	
788	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con từ tập ăn đến 20 kg	1010, Maxi 1010, Wave 1010, Nuti 1010	016:2011/NTF	
789	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 20 đến 50 kg	1020, Maxi 1020, Wave 1020, Nuti 1020	017:2011/NTF	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
790	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 50kg đến xuất thịt	1030, Maxi 1030, Wave 1030, Nuti 1030	018:2011/NTF	
791	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt từ 20 đến 50 kg	1020L, Maxi 1020L, Wave 1020L, Nuti 1020L	019:2011/NTF	
792	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt từ 50kg đến xuất thịt	1030L, Maxi 1030L, Wave 1030L, Nuti 1030 L	020:2011/NTF	
793	Bắp chín ép đùn	Bắp chín ép đùn, Maxi Bắp chín ép đùn, Wave Bắp chín ép đùn, Nuti Bắp chín ép đùn	021:2011/NTF	
794	Đậu nành chín ép đùn	Đậu nành chín ép đùn, Maxi Đậu nành chín ép đùn, Wave Đậu nành chín ép đùn, Nuti Đậu nành chín ép đùn	022:2011/NTF	
795	Thức ăn đậm đặc cho cút đẻ	3100, Maxi 3100, Wave 3100, Nuti 3100, 31, Maxi 31, Wave 31, Nuti 31	023:2011/NTF	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
796	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho cút con từ 1 đến 5 tuần tuổi	3200, Maxi 3200, Wave 3200, Nuti 3200, 32, Maxi 32, Wave 32, Nuti 32	024:2011/NTF	
797	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho cút đẻ từ 5 đến 60 tuần tuổi	3400, Maxi 3400, Wave 3400, Nuti 3400, 34, Maxi 34, Wave 34, Nuti 34	025:2011/NTF	
798	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho bò sữa	4000, Maxi 4000, Wave 4000, Nuti 4000, 6000, Maxi 6000, Wave 6000, Nuti 6000	026:2011/NTF	
799	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho bò thịt	4100, Maxi 4100, Wave 4100, Nuti 4100, 6100, Maxi 6100, Wave 6100, Nuti 6100	027:2011/NTF	
800	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà siêu thịt	DD2000, Maxi DD2000, Wave DD2000, Nuti DD2000, DD5600, Maxi DD5600, Wave DD5600, Nuti DD5600	028:2011/NTF	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
801	Thức ăn đậm đặc cho gà đẻ sau 18 tuần tuổi	2100, Maxi 2100, Wave 2100, Nuti 2100, 5000, Maxi 5000, Wave 5000, Nuti 5000	029:2011/NTF	
802	Thức ăn đậm đặc cho gà hậu bị từ 1 đến 18 tuần tuổi	2500, Maxi 2500, Wave 2500, Nuti 2500, 5500, Maxi 5500, Wave 5500, Nuti 5500	030:2011/NTF	
803	Thức ăn đậm đặc cho gà đẻ	2126, Maxi 2126, Wave 2126, Nuti 2126	031:2011/NTF	
804	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà đẻ từ 1 ngày đến 8 tuần tuổi	2600, Maxi 2600, Wave 2600, Nuti 2600, 5100, Maxi 5100, Wave 5100, Nuti 5100	032:2011/NTF	
805	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà đẻ từ 8 đến 18 tuần tuổi	2700, Maxi 2700, Wave 2700, Nuti 2700, 5200, Maxi 5200, Wave 5200, Nuti 5200	033:2011/NTF	
806	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà đẻ từ 18 đến 40 tuần tuổi	2400, Maxi 2400, Wave 2400, Nuti 2400, 5300,	034:2011/NTF	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
		Maxi 5300, Wave 5300, Nuti 5300		
807	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà thả vườn từ 1 - 28 ngày tuổi	2200, Maxi 2200, Wave 2200, Nuti 2200, 2201, Maxi 2201, Wave 2201, Nuti 2201	035:2011/NTF	
808	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà thả vườn từ 28 ngày tuổi - xuất chuồng	2300, Maxi 2300, Wave 2300, Nuti 2300, 2202, Maxi 2202, Wave 2202, Nuti 2202	036:2011/NTF	
809	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà thả vườn từ 1 ngày tuổi - xuất thịt	2350, Maxi 2350, Wave 2350, Nuti 2350, 2203, Maxi 2203, Wave 2203, Nuti 2203	037:2011/NTF	
810	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà thịt từ 1 - 21 ngày tuổi	2800, Maxi 2800, Wave 2800, Nuti 2800, 2101, Maxi 2101, Wave 2101, Nuti 2101	038:2011/NTF	
811	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà thịt từ 21 - 42 ngày tuổi	2900, Maxi 2900, Wave 2900, Nuti 2900, 2102,	039:2011/NTF	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
		Maxi 2102, Wave 2102, Nuti 2102		
812	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà thịt từ 42 ngày tuổi - xuất thịt	2950, Maxi 2950, Wave 2950, Nuti 2950, 2103, Maxi 2103, Wave 2103, Nuti 2103	040:2011/NTF	
813	Thức ăn đậm đặc cho vịt đẻ	6100, Maxi 6100, Wave 6100, Nuti 6100, 4100, Maxi 4100, Wave 4100, Nuti 4100	041:2011/NTF	
814	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt con từ 1 - 3 tuần tuổi	6200, Maxi 6200, Wave 6200, Nuti 6200, 4101, Maxi 4101, Wave 4101, Nuti 4101	042:2011/NTF	
815	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt thịt từ 3 - 6 tuần tuổi	6300, Maxi 6300, Wave 6300, Nuti 6300, 4102, Maxi 4102, Wave 4102, Nuti 4102	043:2011/NTF	
816	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt vỗ béo 6 tuần đến xuất thịt	6350, Maxi 6350, Wave 6350, Nuti 6350, 4103, Maxi 4103, Wave 4103, Nuti 4103	044:2011/NTF	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
817	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt đẻ	6400, Maxi 6400, Wave 6400, Nuti 6400, 4419, Maxi 4419, Wave 4419, Nuti 4419, 4619, Maxi 4619, Wave 4619, Nuti 4619, 4986, Maxi 4986, Wave 4986, Nuti 4986, 4242, Maxi 4242, Wave 4242, Nuti 4242	045:2011/NTF	
818	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt giống	A64, Maxi A64, Wave A64, Nuti A64, 4420, Maxi 4420, Wave 4420, Nuti 4420	046:2011/NTF	
819	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt đẻ	6450, Maxi 6450, Wave 6450, Nuti 6450, 4418, Maxi 4418, Wave 4418, Nuti 4418	047:2011/NTF	
	Doanh nghiệp tư nhân Chế biến Thức ăn gia súc Phú Lợi Địa chỉ: 375 Tổ 43, đường Phú Lợi, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương Điện thoại: 06503838134. Fax: 0650.3838135			
820	Thức ăn hỗn hợp cho gà từ 1 - 21 ngày tuổi	Phú Lợi 601, Vitas 510	01/2002/PL	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
821	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 60kg - xuất chuồng	Phú Lợi 7, Hưng Thịnh 7, Vitas 7	015/2002/PL	
822	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai và cho con bú	Phú Lợi E, Pacific 119, Hưng Thịnh E, Hưng Lợi E	016/2002/PL	
823	Thức ăn hỗn hợp cho gà từ 21 ngày - xuất chuồng	Phú Lợi 602, Vitas 520	02/2002/PL	
824	Thức ăn hỗn hợp cho gà từ 1 ngày - xuất chuồng	Phú Lợi 603, Vitas 530, Laska 551	03/2002/PL	
825	Thức ăn hỗn hợp cho vịt từ 1 - 21 ngày tuổi	Phú Lợi 605, Vitas 410, Pacific 107	05/2002/PL	
826	Thức ăn hỗn hợp cho vịt từ 21 ngày - xuất chuồng	Phú Lợi 606, Vitas 420	06/2002/PL	
827	Thức ăn hỗn hợp cho vịt từ 1 ngày - xuất chuồng	Phú Lợi 607, Vitas 430, Laska 553	07/2002/PL	
828	Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan đẻ	Phú Lợi 608, Vitas 440, Vitas 460, Laska 9000, Hưng Lợi 608	08/2002/PL	
829	Thức ăn hỗn hợp vỗ béo gà	Phú Lợi 700, Laska 552, Vitas 550	10/2002/PL	
830	Thức ăn hỗn hợp vỗ béo vịt	Phú Lợi 800, Vitas 450, Laska 554	11/2002/PL	
831	Thức ăn hỗn hợp cho heo tập ăn - 15kg	Laska L07	12/2002/PL	
832	Thức ăn hỗn hợp cho heo con (15kg - 30kg) - Nái nuôi con	Phú Lợi D, Vitas D,	13/2002/PL	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
		Laska D, Hưng Thịnh D, Laska 8, Pacific 117		
833	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 30kg - 60kg	Phú Lợi 6, Hưng Thịnh 6, Vitas 6	14/2002/PL	
834	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái mang thai và nuôi con	Laska 900	17/2002/PL	
835	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 30kg - 60kg	Pacific 118	18/2002/PL	
836	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo 5kg - xuất chuồng	Laska 555	19/2002/PL	
837	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo 5kg - xuất chuồng	Laska 9999	20/2002/PL	
838	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo 5kg - xuất chuồng	Laska 999	21/2002/PL	
839	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo 5kg - xuất chuồng	Phú lợi P47	24/2002/PL	
840	Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan đẻ	Gavy 9002	28/2002/PL	
841	Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan đẻ	Phú Lợi 9001	29/2002/PL	
842	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 30kg - 60kg	Laska 6	35/2004/PL	
843	Thức ăn hỗn hợp cho heo tập ăn - 15kg	Pacific 116, Phú Lợi D07	36/2004/PL	
844	Thức ăn hỗn hợp cho bò thịt - bò sữa	Phú lợi 609	37/2004/PL	
845	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 30kg - 60kg	Hưng Lợi 6, Highland 6, X.O 6, Bluefeed 6	TC-038/2004/PL	
846	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 60kg - Xuất chuồng	Hưng Lợi 7	TC-039/2004/PL	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
847	Thức ăn hỗn hợp cho heo con (15kg - 30kg) - Nái nuôi con	Highland D, X.O D, Bluefeed D, Hưng Lợi D	TC-040/2002/PL	
848	Thức ăn hỗn hợp cho heo tập ăn - 15kg	Bluefeed 115, X.O 150, Highland A3	TC-041/2004/PL	
849	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái mang thai và nuôi con	Bluefeed 114, X.O 250, Highland A2	TC-042/2004/PL	
850	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo 5kg - xuất chuồng	Highland A1, Sino 555, Winner 125, X.O 350, Bluefeed 113, Laska No 1	TC-044/2004/PL	
	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Thái Dương Địa chỉ: Ấp Bình Thuận II, Thuận Giao, Thuận An, Bình Dương Tel: 06503.719234; Fax: 06503.715 115			
851	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 15kg - xuất chuồng	P100, 5040	TD.BD-01/07	184/SNN-CN
852	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 15kg - xuất chuồng	P400, 5046	TD.BD-02/07	184/SNN-CN
853	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 15kg - xuất chuồng	P900, 5048	TD.BD-03/07	184/SNN-CN
854	Thức ăn đậm đặc cho heo nái	P500, 5037	TD.BD-04/07	184/SNN-CN
855	Thức ăn hỗn hợp cho heo con từ 5 ngày đến 8 kg	HD01, 6110	TD.BD-05/07	184/SNN-CN
856	Thức ăn hỗn hợp cho heo con tập ăn đến 20 kg	S19, P19V	TD.BD-06/07	184/SNN-CN
857	Thức ăn hỗn hợp cho heo con tập ăn đến 20 kg	6011 ,6111	TD.BD-07/07	184/SNN-CN
858	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 20 - 40 kg	6112, P17V	TD.BD-08/07	184/SNN-CN

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
859	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 40 - 70 kg	6113, P15V	TD.BD-09/07	184/SNN-CN
860	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 70 - xuất chuồng	6114, P14V	TD.BD-10/07	184/SNN-CN
861	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 30 - xuất chuồng	6124, P14A-V	TD.BD-11/07	184/SNN-CN
862	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con	6116, P15V	TD.BD-12/07	184/SNN-CN
863	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai	6115, P23V, 6015	TD.BD-13/07	184/SNN-CN
864	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai lai	6025, 6125	TD.BD-14/07	184/SNN-CN
865	Thức ăn hỗn hợp cho bò lai sind, bò thịt, bò cái sinh sản, dê, cừu	1100	TD.BD-15/07	184/SNN-CN
866	Thức ăn hỗn hợp cho gà thả vườn từ 1 đến 42 ngày tuổi	P91H	TD.BD-16/07	184/SNN-CN
867	Thức ăn hỗn hợp cho gà thả vườn từ 43 ngày tuổi đến xuất chuồng	P93V	TD.BD-17/07	184/SNN-CN
868	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ	P97B	TD.BD-18/07	184/SNN-CN
869	Thức ăn hỗn hợp cho vịt con	P81V	TD.BD-19/07	184/SNN-CN
870	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thịt	P83V	TD.BD-20/07	184/SNN-CN
871	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ	P87V	TD.BD-21/07	184/SNN-CN
872	Thức ăn hỗn hợp cho vịt con	8117	TD.BD-22/08	
873	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thịt	8118	TD.BD-23/08	
874	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ	8119	TD.BD-24/08	
875	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ	1168	TD.BD-25/08	
876	Thức ăn hỗn hợp cho bò sữa	B01	TD.BD-26/08	
877	Thức ăn hỗn hợp cho bò sữa	B02	TD.BD-27/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
878	Thức ăn hỗn hợp cho heo con từ 7 - 15kg	Big One	TD.BD-28/09	
879	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 15 - 30kg	Big Two	TD.BD-29/09	
880	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 30 - xuất chuồng	Big Three	TD.BD-30/09	
881	Thức ăn hỗn hợp cho heo con từ 5kg - 25kg	TD19S	TD.BD-31/09	
882	Thức ăn hỗn hợp cho heo con từ 25kg - 50kg	TD17S	TD.BD-32/09	
883	Thức ăn hỗn hợp cho heo con từ 50kg - xuất chuồng	TD15S	TD.BD-33/09	
	Cơ sở Chế biến TĂGS Thủ Dầu Một Địa chỉ: 354, Huỳnh Văn Lũy, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương Điện thoại: 0650.3825258: Fax: 0650.3840938			
884	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng bột dùng cho heo con từ 15kg - 30kg và heo nái nuôi con	Cám D	TDM.NBD - 001Th/02	
885	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng bột dùng cho heo nái chửa	Cám E	TDM.NBD - 002Th/02	
886	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng bột dùng cho heo từ 30kg - 60 kg	Cám số 6	TDM.NBD - 003Th/02	
887	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng bột dùng cho heo từ 60kg - 100kg	Cám số 7	TDM.NBD - 004Th/02	
888	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng viên dùng cho heo từ 15kg - 30kg và heo nái nuôi con	Cám K102	TDM.NBD -001 Th/02	
889	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng viên dùng cho heo nái chửa	Cám K104	TDM.NBD -002 Th/02	
890	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng viên dùng cho heo từ 30kg - 60kg	Cám K106	TDM.NBD -003 Th/02	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Tiến Đại Phát Địa chỉ: Ấp Bàu Bàng, xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương Tel: 0650 3 551 526, Fax: 0650 3 551 527			
891	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con siêu thịt từ tập ăn đến 15kg	As	001:2011/TDP.BD	
892	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo siêu thịt từ 15kg đến 30kg	Ds	002:2011/TDP.BD	
893	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo siêu thịt từ 30kg đến 60kg	6s	003:2011/TDP.BD	
894	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo hậu bị và nái mang thai	8s	004:2011/TDP.BD	
895	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con	9s	005:2011/TDP.BD	
896	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ tập ăn đến 15kg	A	006:2011/TDP.BD	
897	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 15kg đến 30kg	D	007:2011/TDP.BD	
898	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 30kg đến 60kg	6	008:2011/TDP.BD	
899	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 60kg đến xuất chuồng	7	009:2011/TDP.BD	
900	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo hậu bị và nái mang thai	8	010:2011/TDP.BD	
901	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con	9	011:2011/TDP.BD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
902	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 15kg đến xuất chuồng	H24L	012:2011/TDP.BD	
903	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 30kg đến xuất chuồng	H26L	013:2011/TDP.BD	
904	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt, ngan đẻ siêu trứng	VĐ01	014:2011/TDP.BD	
905	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt, ngan đẻ	VĐ02	015:2011/TDP.BD	
906	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 - 28 ngày tuổi	VT01	016:2011/TDP.BD	
907	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt, ngan thịt từ 29 ngày tuổi đến xuất bán	VT02	017:2011/TDP.BD	
908	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất bán	VT11	018:2011/TDP.BD	
909	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà đẻ	GĐ01	019:2011/TDP.BD	
910	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà Công nghiệp da vàng, chân vàng từ 1 - 12 ngày tuổi	GCN01	020:2011/TDP.BD	
911	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà Công nghiệp da vàng, chân vàng từ 13 - 22 ngày tuổi	GCN02	021:2011/TDP.BD	
912	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà Công nghiệp da vàng, chân vàng từ 23 ngày tuổi đến xuất bán	GCN03	022:2011/TDP.BD	
913	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà Tam Hoàng, Lương Phượng từ 1 - 42 ngày tuổi	GT01	023:2011/TDP.BD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
914	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà Tam Hoàng, Lương Phượng từ 43 ngày tuổi đến xuất bán	GT02	024:2011/TDP.BD	
915	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà Tam Hoàng, Lương Phượng từ 1 ngày tuổi đến xuất bán	GT11	025:2011/TDP.BD	
916	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho bò thịt	BT01	027:2011/TDP.BD	
917	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con siêu thịt từ tập ăn đến 7kg	H200S	028:2011/TDP.BD	
918	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con siêu thịt từ tập ăn đến 15kg	H220S	029:2011/TDP.BD	
919	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo siêu thịt từ 15 kg đến 30 kg	H240S	030:2011/TDP.BD	
920	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo siêu thịt từ 30kg đến 60kg	H260S	031:2011/TDP.BD	
921	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo hậu bị, nái mang thai	H280S	032:2011/TDP.BD	
922	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con	H290S	033:2011/TDP.BD	
923	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con từ tập ăn đến 15kg	H220	034:2011/TDP.BD	
924	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 15kg đến 30kg	H240	035:2011/TDP.BD	
925	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 30kg đến 60kg	H260	036:2011/TDP.BD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
926	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo hậu bị và nái mang thai	H280	037:2011/TDP.BD	
927	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con	H290	038:2011/TDP.BD	
928	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt, ngan đẻ siêu trứng	VĐ400	039:2011/TDP.BD	
929	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt, ngan đẻ	VĐ420	040:2011/TDP.BD	
930	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 ngày tuổi đến 28 ngày tuổi	VT410	041:2011/TDP.BD	
931	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt, ngan thịt từ 29 ngày tuổi đến xuất bán	VT411	042:2011/TDP.BD	
932	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất bán	VT412	043:2011/TDP.BD	
933	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà đẻ	GĐ500	044:2011/TDP.BD	
934	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà Công nghiệp da vàng, chân vàng từ 1 - 12 ngày tuổi	GCN510	045:2011/TDP.BD	
935	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà Công nghiệp da vàng, chân vàng từ 13 - 22 ngày tuổi	GCN511	046:2011/TDP.BD	
936	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà Công nghiệp da vàng, chân vàng từ 23 ngày tuổi đến xuất bán	GCN512	047:2011/TDP.BD	
937	Hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà Tam Hoàng, Lương Phượng từ 1 - 42 ngày tuổi	GT510	048:2011/TDP.BD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
938	Hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà Tam Hoàng, Lương Phượng từ 43 ngày tuổi đến xuất bán	GT511	049:2011/TDP.BD	
939	Hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà Tam Hoàng, Lương Phượng từ 1 ngày tuổi đến xuất bán	GT512	050:2011/TDP.BD	
940	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho bò thịt	BT710	052:2011/TDP.BD	
941	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con siêu thịt từ tập ăn đến 7kg	A10S	079:2011/TDP.BD	
942	Đậm đặc "SIÊU CẤP" dùng cho heo nái hậu bị, nái mang thai và nái tiết sữa nuôi con	H360	053:2011/TDP.BD	
943	Đậm đặc "SIÊU CẤP" dùng cho heo tập ăn đến xuất chuồng	H400	054:2011/TDP.BD	
944	Đậm đặc "SIÊU CẤP" dùng cho heo tập ăn đến xuất chuồng	H420	055:2011/TDP.BD	
945	Đậm đặc "SIÊU TRỌNG" dùng cho heo tập ăn đến xuất chuồng	H440	056:2011/TDP.BD	
946	Đậm đặc "SIÊU TRỌNG" dùng cho heo tập ăn đến xuất chuồng	H450	057:2011/TDP.BD	
947	Đậm đặc "SIÊU TRỌNG" dùng cho heo tập ăn đến xuất chuồng	H460	058:2011/TDP.BD	
948	Đậm đặc "SIÊU HẠNG" heo tập ăn đến xuất chuồng	H470	059:2011/TDP.BD	
949	Đậm đặc "SIÊU HẠNG" dùng cho heo tập ăn đến xuất chuồng	H480	060:2011/TDP.BD	
950	Đậm đặc dùng cho vịt, ngan đẻ	H2500	061:2011/TDP.BD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
951	Đậm đặc "SIÊU HẠNG" dùng cho heo nái hậu bị, nái mang thai và nái tiết sữa nuôi con	H2400	062:2011/TDP.BD	
952	Đậm đặc "SIÊU HẠNG" dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng	H2420	063:2011/TDP.BD	
953	Đậm đặc "SIÊU HẠNG" dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng	H2440	064:2011/TDP.BD	
954	Đậm đặc "SIÊU HẠNG" dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng	H2450	065:2011/TDP.BD	
955	Đậm đặc "SIÊU HẠNG" dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng	H2460	066:2011/TDP.BD	
956	Đậm đặc "SIÊU HẠNG" dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng	H2470	067:2011/TDP.BD	
957	Đậm đặc "SIÊU HẠNG" dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng	H2480	068:2011/TDP.BD	
958	Đậm đặc "SIÊU HẠNG" dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng	VĐ380	069:2011/TDP.BD	
959	Đậm đặc "SIÊU HẠNG" dùng cho vịt, ngan đẻ	VĐ4500	070:2011/TDP.BD	
960	Đậm đặc dùng cho gà đẻ	G360	071:2011/TDP.BD	
961	Đậm đặc dùng cho gà thịt	G460	072:2011/TDP.BD	
962	Đậm đặc "SIÊU HẠNG" dùng cho gà đẻ	G5500	073:2011/TDP.BD	
963	Đậm đặc "SIÊU HẠNG" dùng cho gà thịt	G5900	074:2011/TDP.BD	
964	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho Cút Đẻ	CĐ01	075:2011/TDP.BD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
965	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho Cút Thịt	CT01	076:2011/TDP.BD	
966	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho Cút Đẻ	CĐ600	077:2011/TDP.BD	
967	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho Cút Thịt	CT610	078:2011/TDP.BD	
968	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho bò sữa	BS01	026:2011/TDP.BD	
969	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho bò sữa	BS700	051:2011/TDP.BD	
970	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 40 kg đến xuất chuồng	H27L	001:2012/TDP.BD	
971	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà hậu bị từ 8 - 18 tuần tuổi	GHB502	002:2012/TDP.BD	
972	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà hậu bị từ 1 - 8 tuần tuổi	GHB501	003:2012/TDP.BD	
973	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà hậu bị từ 1 - 8 tuần tuổi	GHB01	004:2012/TDP.BD	
974	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà hậu bị từ 8 - 18 tuần tuổi	GHB02	005:2012/TDP.BD	
	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Trọng Phúc Địa chỉ: 420 QL 13 Khu Phố Đông Ba, phường Bình Hòa, Tx. Thuận An, tỉnh Bình Dương Điện thoại: 0650.3768779. Fax: 0650.3755371			
975	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con tập ăn đến sau cai sữa 1 tuần (dạng bột, viên)	A33	TP.BD 001/08	
976	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con tập ăn đến 15 kg (dạng bột, viên)	A98	TP.BD 001/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
977	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con từ sau cai sữa 1 tuần đến 30kg (dạng bột, viên)	A34	TP.BD 002/08	
978	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con tập ăn đến 15 kg (dạng bột, viên)	A99	TP.BD 002/09	
979	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 30kg đến 50kg (dạng bột, viên)	35	TP.BD 003/08	
980	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 15kg đến 30kg (dạng bột, viên)	D	TP.BD 003/09	
981	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 50kg đến 70kg (dạng bột, viên)	36	TP.BD 004/08	
982	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30kg đến 70kg (dạng bột, viên)	6	TP.BD 004/09	
983	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 70kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	37	TP.BD 005/08	
984	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 70kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	7	TP.BD 005/09	
985	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 20kg đến 50kg (dạng bột, viên)	38A	TP.BD 006/08	
986	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo hậu bị, nái mang thai & nái khô (dạng bột, viên)	8	TP.BD 006/09	
987	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 50kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	39B	TP.BD 007/08	
988	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột, viên)	9	TP.BD 007/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
989	Thức ăn hỗn hợp dùng tạo nạc cho heo từ 30kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	171	TP.BD 008/09	
990	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo hậu bị, nái mang thai và nái khô (dạng bột, viên)	8	TP.BD 008/8	
991	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột, viên)	9	TP.BD 009/08	
992	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg đến xuất chuồng (dạng bột)	C10	TP.BD 009/09	
993	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con tập ăn đến sau cai sữa 1 tuần (dạng bột, viên)	A60	TP.BD 010/08	
994	Thức ăn đậm đặc "cao đạm đặc biệt" dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	C18	TP.BD 010/09	
995	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con từ sau cai sữa 1 tuần đến 30kg (dạng bột, viên)	A65	TP.BD 011/08	
996	Thức ăn đậm đặc "cao đạm" dùng cho heo từ 15kg đến xuất chuồng (dạng bột)	C22	TP.BD 011/09	
997	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 30kg đến 50kg (dạng bột, viên)	66	TP.BD 012/08	
998	Thức ăn đậm đặc "siêu đạm thượng hạng" dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	C203	TP.BD 012/09	
999	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 50kg đến 70kg (dạng bột, viên)	67	TP.BD 013/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1000	Thức ăn đậm đặc "siêu đạm thượng hạng" dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	C204	TP.BD 013/09	
1001	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 70kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	68	TP.BD 014/08	
1002	Thức ăn đậm đặc "cao đạm" dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	C205	TP.BD 014/09	
1003	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 20kg đến 50kg (dạng bột, viên)	69A	TP.BD 015/08	
1004	Thức ăn đậm đặc "siêu đạm hảo hạng" dùng cho heo từ 05kg đến xuất (dạng bột)	C206	TP.BD 015/09	
1005	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 50kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	69B	TP.BD 016/08	
1006	Thức ăn đậm đặc "siêu đạm tăng tốc" dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng (dạng bột)	C207	TP.BD 016/09	
1007	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo hậu bị, nái mang thai và nái khô (dạng bột, viên)	8	TP.BD 017/08	
1008	Thức ăn đậm đặc "tăng tốc cao đạm" dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng (dạng bột)	C208	TP.BD 017/09	
1009	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột, viên)	9	TP.BD 018/08	
1010	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái chửa và heo nái nuôi con (dạng bột)	C12	TP.BD 018/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1011	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con tập ăn đến sau cai sữa 1 tuần (dạng bột, viên)	A50	TP.BD 019/08	
1012	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 1 đến 42 ngày (dạng bột, viên)	54	TP.BD 019/09	
1013	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con từ sau cai sữa 1 tuần đến 30kg (dạng bột, viên)	A55	TP.BD 020/08	
1014	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 43 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	56	TP.BD 020/09	
1015	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 30kg đến 50kg (dạng bột, viên)	56	TP.BD 021/08	
1016	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 01 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	57	TP.BD 021/09	
1017	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 50kg đến 70kg (dạng bột, viên)	57	TP.BD 022/08	
1018	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 1 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	5002	TP.BD 022/09	
1019	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 70kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	58	TP.BD 023/08	
1020	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 22 đến 42 ngày (dạng bột, viên)	5003	TP.BD 023/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1021	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 20kg đến 50kg (dạng bột, viên)	59A	TP.BD 024/08	
1022	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 43 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	5004	TP.BD 024/09	
1023	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 50kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	59B	TP.BD 025/08	
1024	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà hậu bị từ 6 tuần đến 18 tuần (dạng bột, viên)	2010	TP.BD 025/09	
1025	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo hậu bị, nái mang thai và nái khô (dạng bột, viên)	8	TP.BD 026/08	
1026	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ (dạng bột, viên)	2001	TP.BD 026/09	
1027	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột, viên)	9	TP.BD 027/08	
1028	Thức ăn đậm đặc dùng để trộn cho gà đẻ (dạng bột, viên)	C16	TP.BD 027/09	
1029	Thức ăn đậm đặc dùng để trộn cho gà thịt (dạng bột, viên)	C19	TP.BD 028/09	
1030	Thức ăn đậm đặc dùng để trộn cho gà thịt từ 01 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	C27	TP.BD 029/09	
1031	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 01 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	111	TP.BD 030/09	
1032	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 22 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	121	TP.BD 031/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1033	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 01 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	141	TP.BD 032/09	
1034	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 01 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	142	TP.BD 033/09	
1035	Thức ăn hỗn hợp dùng vỗ béo, xuất bán (dạng bột, viên)	143	TP.BD 034/09	
1036	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	4000	TP.BD 035/09	
1037	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	4001	TP.BD 036/09	
1038	Thức ăn đậm đặc dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	4050	TP.BD 037/09	
1039	Thức ăn đậm đặc dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	4051	TP.BD 038/09	
1040	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút hậu bị từ 1 - 35 ngày (dạng bột, viên)	1010	TP.BD 039/09	
1041	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ (dạng bột, viên)	1020	TP.BD 040/09	
1042	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò sữa (dạng bột, viên)	10	TP.BD 041/09	
1043	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò thịt thương phẩm (dạng bột, viên)	11	TP.BD 042/09	
1044	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con tập ăn đến 15 kg (dạng bột, viên)	A87	TP.BD 043/09	
1045	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con tập ăn đến 15 kg (dạng bột, viên)	A88	TP.BD 044/09	
1046	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 15 kg đến 30 kg (dạng bột, viên)	D	TP.BD 045/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1047	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30 kg đến 70kg (dạng bột, viên)	6	TP.BD 046/09	
1048	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 70 kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	7	TP.BD 047/09	
1049	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo hậu bị, nái mang thai & nái thô (dạng bột, viên)	8	TP.BD 048/09	
1050	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột, viên)	9	TP.BD 049/09	
1051	Thức ăn hỗn hợp dùng tạo nạc cho heo từ 30kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	181	TP.BD 050/09	
1052	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg đến xuất chuồng (dạng bột)	166	TP.BD 051/09	
1053	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái chữa và heo nái nuôi con (dạng bột)	177	TP.BD 052/09	
1054	Thức ăn đậm đặc "cao đạm đặc biệt" dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	188	TP.BD 053/09	
1055	Thức ăn đậm đặc "siêu đạm thượng hạng" dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	199	TP.BD 054/09	
1056	Thức ăn đậm đặc "siêu đạm thượng hạng" dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng (dạng bột)	420	TP.BD 055/09	
1057	Thức ăn đậm đặc "siêu cao đạm" dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	422	TP.BD 056/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1058	Thức ăn đậm đặc "siêu cao đạm" dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	423	TP.BD 057/09	
1059	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 1 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	6001	TP.BD 058/09	
1060	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 22 ngày đến 42 ngày (dạng bột, viên)	6002	TP.BD 059/09	
1061	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 43 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	6003	TP.BD 060/09	
1062	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 1 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	6014	TP.BD 061/09	
1063	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 1 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	610	TP.BD 062/09	
1064	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 22 ngày đến 42 ngày (dạng bột, viên)	611	TP.BD 063/09	
1065	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 43 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	612	TP.BD 064/09	
1066	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà hậu bị từ 6 tuần đến 18 tuần (dạng bột, viên)	6019	TP.BD 065/09	
1067	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ (dạng bột, viên)	6020	TP.BD 066/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1068	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà thịt (dạng bột, viên)	666	TP.BD 067/09	
1069	Thức ăn đậm đặc "cao đạm" dùng cho gà thịt (dạng bột, viên)	667	TP.BD 068/09	
1070	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà đẻ (dạng bột, viên)	999	TP.BD 069/09	
1071	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	701	TP.BD 070/09	
1072	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 22 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	702	TP.BD 071/09	
1073	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	703	TP.BD 072/09	
1074	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	700	TP.BD 073/09	
1075	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	710	TP.BD 074/09	
1076	Thức ăn đậm đặc dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	739	TP.BD 075/09	
1077	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút hậu bị từ 1 - 35 ngày (dạng bột, viên)	11	TP.BD 076/09	
1078	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ (dạng bột, viên)	12	TP.BD 077/09	
1079	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò sữa (dạng bột, viên)	10	TP.BD 078/09	
1080	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò thịt thương phẩm (dạng bột, viên)	11	TP.BD 079/09	
1081	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con tập ăn đến 15kg (dạng bột, viên)	T1000	TP.BD 080/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1082	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 15kg đến 30kg (dạng bột, viên)	D	TP.BD 081/09	
1083	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30kg đến 70kg (dạng bột, viên)	6	TP.BD 082/09	
1084	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 70kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	7	TP.BD 083/09	
1085	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo hậu bị, nái mang thai & nái khô (dạng bột, viên)	8	TP.BD 084/09	
1086	Thức ăn hỗn hợp dùng cho nái tiết sữa nuôi con (dạng bột, viên)	9	TP.BD 085/09	
1087	Thức ăn hỗn hợp dùng tạo nạc cho heo từ 30kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	161	TP.BD 086/09	
1088	Thức ăn đậm đặc "cao đạm đặc biệt" dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	T305	TP.BD 087/09	
1089	Thức ăn đậm đặc "siêu cao đạm thượng hạng" dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	T306	TP.BD 088/09	
1090	Thức ăn đậm đặc "siêu cao đạm tăng tốc" dùng cho heo tập ăn đến xuất chuồng (dạng bột)	T307	TP.BD 089/09	
1091	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái chửa và heo nái nuôi con (dạng bột)	T1500	TP.BD 091/09	
1092	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg đến xuất chuồng (dạng bột)	T1200	TP.BD 092/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1093	Thức ăn đậm đặc "cao đạm" dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	T1800	TP.BD 092/09	
1094	Thức ăn đậm đặc "cao đạm thượng hạng" dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	T333	TP.BD 093/09	
1095	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 1 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	901	TP.BD 094/09	
1096	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 22 ngày đến 42 ngày (dạng bột, viên)	922	TP.BD 095/09	
1097	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 43 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	943	TP.BD 096/09	
1098	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lượng phượng từ 1 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	911	TP.BD 097/09	
1099	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 1 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	8106	TP.BD 098/09	
1100	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 22 đến 42 ngày (dạng bột, viên)	8107	TP.BD 099/09	
1101	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 43 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	8108	TP.BD 100/09	
1102	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà hậu bị từ 6 tuần đến 18 tuần (dạng bột, viên)	9089	TP.BD 101/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1103	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ (dạng bột, viên)	9090	TP.BD 102/09	
1104	Thức ăn đậm đặc dùng để trộn cho gà đẻ (dạng bột, viên)	T2000	TP.BD 103/09	
1105	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà thịt (dạng bột, viên)	T2400	TP.BD 104/09	
1106	Thức ăn đậm đặc "cao đạm" dùng cho gà thịt (dạng bột, viên)	T2500	TP.BD 105/09	
1107	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	810	TP.BD 106/09	
1108	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 22 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	815	TP.BD 107/09	
1109	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	820	TP.BD 108/09	
1110	Thức ăn hỗn hợp "cao đạm" dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	800D	TP.BD 109/09	
1111	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	808D	TP.BD 110/09	
1112	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	899D	TP.BD 111/09	
1113	Thức ăn đậm đặc dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	809D	TP.BD 112/09	
1114	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút hậu bị từ 1 - 35 ngày (dạng bột, viên)	600	TP.BD 113/09	
1115	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ (dạng bột, viên)	800	TP.BD 114/09	
1116	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò sữa (dạng bột, viên)	10	TP.BD 115/09	
1117	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò thịt thương phẩm (dạng bột, viên)	11	TP.BD 116/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
	Công ty TNHH UNI-PRESIDENT Việt Nam Địa chỉ: Số 16-18, Đường ĐT 743, Khu công nghiệp Sóng Thần 2, Tx. Dĩ An, Bình Dương Điện thoại: 0650.3790811~6. Fax: 0650.3790810			
1118	Thức ăn siêu đậm đặc cho heo thịt từ 5kg - xuất chuồng	R1120	01:2004/UPBD	
1119	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà giống	H2410	01:2007/UPBD	
1120	Thức ăn hỗn hợp dạng hạt cho gà đẻ thương phẩm từ 18 - 78 tuần	H2341	01:2011/UPBD	
1121	Bột bắp nấu chín	1001A	01M:2003/UPBD	
1122	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà giống (khi tỷ lệ đẻ trên 75%)	H2410A	02:2007/UPBD	
1123	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho bò con từ 0 - 6 tháng	H5210	02:2011/UPBD	
1124	Bột đậu nành nấu chín	2002A	02M:2003/UPBD	
1125	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo thịt từ 20kg - 50kg	N1130	03:2003/UPBD	
1126	Thức ăn đặc biệt dạng viên cho heo con 7 ngày - 15kg	H1122A	03:2004/UPBD	
1127	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt giống	H4312	03:2007/UPBD	
1128	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho bò con từ 0 - 6 tháng	H5212	03:2011/UPBD	
1129	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo thịt 50kg - 90kg (hoặc xuất chuồng)	N1140	04:2003/UPBD	
1130	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt giống (khi tỷ lệ đẻ trên 75%)	H4312A	04:2007/UPBD	
1131	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho bò con từ 0 - 6 tháng	N5210	04:2011/UPBD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1132	Thức ăn đặc biệt dạng viên cho heo con từ 7 ngày - 15kg	N1122A	05:2004/UPBD	
1133	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho bò con từ 0 - 6 tháng	N5212	05:2011/UPBD	
1134	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ thương phẩm từ 18 - 78 tuần	N4242A	06:2004/UPBD	
1135	Thức ăn hỗn hợp dạng hạt cho gà đẻ thương phẩm từ 18 - 78 tuần	N2341	06:2011/UPBD	
1136	Thức ăn thay thế sữa dạng viên cho heo từ 7 ngày - 8kg	N1112	07:2003/UPBD	
1137	Thức ăn đặc biệt dạng viên cho heo thịt từ 15kg - 30kg	H1132A	07:2011/UPBD	
1138	Thức ăn đặc biệt dạng viên cho heo thịt từ 30kg - 60kg	H1142A	07:2011/UPBD	
1139	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo theo mẹ 8kg - 20kg	N1122	08:2003/UPBD	
1140	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt 20kg - 50kg	N1132	09:2003/UPBD	
1141	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt 50kg - 90kg (hoặc xuất chuồng)	N1142	10:2003/UPBD	
1142	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút con từ 1 - 5 tuần tuổi	H3110	11:2002/UPBD	
1143	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút đẻ từ 5 - 60 tuần	H3120	12:2002/UPBD	
1144	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 15kg - xuất chuồng	R1110A	13:2003/UPBD	
1145	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ thương phẩm từ 18 - 78 tuần	H4242	14:2002/UPBD	
1146	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 15kg - xuất chuồng	R1110	14:2003/UPBD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1147	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo nái hậu bị, nái chửa	N1210	15:2003/UPBD	
1148	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo nái nuôi con	N1220	16:2003/UPBD	
1149	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo thịt từ 15kg - 30kg	H1130	17:2002/UPBD	
1150	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo thịt từ 30kg - 60kg	H1140	18:2002/UPBD	
1151	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái hậu bị, nái chửa	N1212	19:2003/UPBD	
1152	Thức ăn thay thế sữa dạng viên cho heo từ 7 ngày - 8kg	H1112	20:2002/UPBD	
1153	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái nuôi con	N1222	20:2003/UPBD	
1154	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con theo mẹ từ 8kg -15kg	H1122	21:2002/UPBD	
1155	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 15kg - 30kg	H1132	22:2002/UPBD	
1156	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 30kg - 60kg	H1142	23:2002/UPBD	
1157	Thức ăn đậm đặc cho heo nái chửa	R1210	23:2003/UPBD	
1158	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 60kg - xuất chuồng	H1152	24:2002/UPBD	
1159	Thức ăn đậm đặc cho heo nái nuôi con	R1220	24:2003/UPBD	
1160	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 15kg - xuất chuồng	D1110	25:2002/UPBD	
1161	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo nái hậu bị, nái chửa	H1210	26:2002/UPBD	
1162	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo nái nuôi con	H1220	27:2002/UPBD	
1163	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái hậu bị, nái chửa	H1212	28:2002/UPBD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1164	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 1 - 21 ngày tuổi	N2111	28:2003/UPBD	
1165	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái nuôi con	H1222	29:2002/UPBD	
1166	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 22 - 42 ngày tuổi	N2122	29:2003/UPBD	
1167	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 42 ngày - xuất chuồng	N2132	30:2003/UPBD	
1168	Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 11 ngày - xuất chuồng	R2110	31:2003/UPBD	
1169	Thức ăn đậm đặc cho heo nái chửa	D1210	32:2002/UPBD	
1170	Thức ăn đậm đặc cho heo nái nuôi con	D1220	33:2002/UPBD	
1171	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thả vườn từ 1 - 28 ngày tuổi	N2211	35:2003/UPBD	
1172	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thả vườn từ 28 ngày - xuất chuồng	N2222	36:2003/UPBD	
1173	Cám gạo nguyên dầu dạng viên	Cám gạo nguyên dầu dạng viên	36:2011/UPVN	
1174	Thức ăn hỗn hợp dạng hạt cho gà thịt từ 1 - 21 ngày tuổi	H2111	37:2002/UPBD	
1175	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 22 - 42 ngày tuổi	H2122	38:2002/UPBD	
1176	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 42 ngày - xuất chuồng	H2132	39:2002/UPBD	
1177	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ thương phẩm từ 1 - 8 tuần	N2310	39:2003/UPBD	
1178	Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 11 ngày - xuất chuồng	D2110	40:2002/UPBD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1179	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ thương phẩm từ 8 - 18 tuần	N2320	40:2003/UPBD	
1180	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ thương phẩm từ 18 - 78 tuần	N2340	41:2003/UPBD	
1181	Thức ăn hỗn hợp dạng hạt cho gà đẻ thương phẩm từ 1 - 8 tuần	N2311	42:2003/UPBD	
1182	Thức ăn hỗn hợp dạng hạt cho gà thả vườn từ 1 - 28 ngày tuổi	H2211	43:2002/UPBD	
1183	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà đẻ thương phẩm từ 8 - 18 tuần	N2322	43:2003/UPBD	
1184	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thả vườn từ 28 ngày - xuất chuồng	H2222	44:2002/UPBD	
1185	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà đẻ thương phẩm từ 18 - 78 tuần	N2342	44:2003/UPBD	
1186	Thức ăn đậm đặc cho gà đẻ thương phẩm từ 8 - 18 tuần	R2310	45:2003/UPBD	
1187	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ thương phẩm từ 1 - 8 tuần	H2310	46:2002/UPBD	
1188	Thức ăn đậm đặc cho gà đẻ thương phẩm từ 18 - 78 tuần	R2320	46:2003/UPBD	
1189	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ thương phẩm từ 8 - 18 tuần	H2320	47:2002/UPBD	
1190	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút con từ 1 - 5 tuần tuổi	N3110	47:2003/UPBD	
1191	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút đẻ từ 5 - 60 tuần	N3120	48:2003/UPBD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1192	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ thương phẩm từ 18 - 78 tuần	H2340	49:2002/UPBD	
1193	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt, ngỗng thịt từ 1 - 3 tuần	N4112	50:2003/UPBD	
1194	Thức ăn hỗn hợp dạng hạt cho gà đẻ thương phẩm từ 1 - 8 tuần	H2311	51:2002/UPBD	
1195	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt, ngỗng thịt từ 3 - 6 tuần	N4122	51:2003/UPBD	
1196	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà đẻ thương phẩm từ 8 - 18 tuần	H2322	52:2002/UPBD	
1197	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt, ngỗng thịt từ 6 tuần - xuất chuồng	N4132	52:2003/UPBD	
1198	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà đẻ thương phẩm từ 18 - 78 tuần	H2342	54:2002/UPBD	
1199	Thức ăn đậm đặc cho gà đẻ thương phẩm từ 8 - 18 tuần	D2310	56:2002/UPBD	
1200	Thức ăn đậm đặc cho gà đẻ thương phẩm từ 18 - 40 tuần	D2320	57:2002/UPBD	
1201	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ thương phẩm từ 18 - 78 tuần	N4242	57:2003/UPBD	
1202	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho bò sữa	N5110	61:2003/UPBD	
1203	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt, ngỗng thịt từ 1 - 3 tuần	H4112	62:2002/UPBD	
1204	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho bò sữa	N5112	62:2003/UPBD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1205	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt, ngỗng thịt từ 3 - 6 tuần	H4122	63:2002/UPBD	
1206	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt từ 6 tuần - xuất chuồng	H4132	64:2002/UPBD	
1207	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ thương phẩm từ 18 - 78 tuần	H4242A	69:2002/UPBD	
1208	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho bò sữa	H5110	72:2002/UPBD	
1209	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho bò sữa	H5112	73:2002/UPBD	
1210	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 15kg - xuất chuồng	D1110A	76:2002/UPBD	
1211	Thức ăn siêu đậm đặc cho heo thịt từ 5kg - xuất chuồng	D1120	78:2002/UPBD	
	Công ty TNHH Dinh dưỡng động vật EH Bình Định Việt Nam Địa chỉ: Lô C4, KCN Phú Tài, Quy Nhơn, Bình Định Tel: 056.3510655 - 3510618. Fax: 056.3510618			
1212	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo sữa từ 05 ngày - 35 ngày tuổi	9022A	01:2011EH BĐ	
1213	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo sữa từ 05 ngày - 15 kg	9988, 9020, EH20	02:2011EH BĐ	
1214	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo sữa từ 15kg - 30kg	9018, EH18, 552	03:2011EH BĐ	
1215	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30kg - 60kg	9016, EH16, 553	04:2011EH BĐ	
1216	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30kg đến xuất chuồng	9015, EH15, 554	05:2011EH BĐ 06:2011EH BĐ	
1217	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30kg đến 70kg	9014, EH14, 555	05:2011EH BĐ 06:2011EH BĐ	
1218	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái mang thai	9215, 556	07:2011EH BĐ	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1219	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái nuôi con	9216, 557	08:2011EH BĐ	
1220	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt con từ 0 - 6 tuần tuổi	7101	15:2011EH BĐ	
1221	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan trứng sau 7 tuần tuổi đến lúc đẻ trứng	7102	16:2011EH BĐ	
1222	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ trứng	7103, 7104, 7066, 768	17:2011EH BĐ 18:2011EH BĐ 33:2011EH BĐ	
1223	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 0 - 21 ngày	7201	19:2011EH BĐ	
1224	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt thịt từ 22 ngày đến xuất chuồng	7202	20:2011EH BĐ	
1225	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 43 ngày trở lên	7203	21:2011EH BĐ	
1226	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà trứng từ 0 - 6 tuần tuổi	8201	22:2011EH BĐ	
1227	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà trứng từ 7 - 18 tuần tuổi	8202	23:2011EH BĐ	
1228	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ sau 18 tuần tuổi	8203	24:2011EH BĐ	
1229	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 0 - 21 ngày	8101	25:2011EH BĐ	
1230	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 22 - 42 ngày	8102	26:2011EH BĐ	
1231	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt sau 43 ngày trở lên	8103	27:2011EH BĐ	
1232	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng từ 0 - 42 ngày	8301	28:2011EH BĐ	
1233	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng từ 43 - 63 ngày	8302	29:2011EH BĐ	
1234	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng sau 63 ngày trở lên	8303	30:2011EH BĐ	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1235	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo sữa từ 15kg - 30kg	9017, EH17	32:2011EH BĐ	
1236	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo sữa từ 07 ngày - 15 kg	9021, 551	34:2011EH BĐ	
	Công ty CP Greenfeed Việt Nam, Chi nhánh Bình Định Địa chỉ: Lô A1, Cụm Công nghiệp Nhơn Bình, Quy Nhơn, Bình Định Tel: 056.3648756; Fax: 056.3648755			
1237	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà thịt thương phẩm từ 1 - 21 ngày tuổi	1112	01:2010/GF BD	
1238	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt thương phẩm từ 22 - 35 ngày tuổi	1124	02:2010/GF BD	
1239	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt thương phẩm từ 35 ngày tuổi - xuất chuồng	1134	03:2010/GF BD	
1240	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng mảnh/dạng viên cho gà đẻ trứng thương phẩm từ 18 tuần tuổi trở lên	1240, 1242, 1244	04:2010/GF BD, 61:2011/GF BD	
1241	Thức ăn đậm đặc cho gà đẻ hậu bị từ 1 - 18 tuần tuổi	1250	05:2010/GF BD	
1242	Thức ăn đậm đặc cho gà đẻ thương phẩm từ 18 tuần tuổi trở lên	1260	06:2010/GF BD	
1243	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà thịt thương phẩm từ 1 - 21 ngày tuổi	HC 112	07:2010/GF BD	
1244	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt thương phẩm từ 22 - 35 ngày tuổi	HC 124	08:2010/GFBD	
1245	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt thương phẩm từ 35 ngày tuổi - xuất chuồng	HC 134	09:2010/GF BD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1246	Thức ăn hỗn hợp dạng hạt cho gà thả vườn, gà lông màu từ 1 - 30 ngày tuổi	1312	10:2010/GF BD	
1247	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thả vườn, gà lông màu từ 31 ngày tuổi - xuất chuồng	1324	11:2010/GF BD	
1248	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút con từ 1 - 35 ngày tuổi	2110	12:2010/GF BD	
1249	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút đẻ từ 35 ngày tuổi trở lên	2120	13:2010/GF BD	
1250	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt con từ 1 - 21 ngày tuổi	3114	14:2010/GF BD	
1251	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt từ 22 - 42 ngày tuổi	3124	15:2010/GF BD	
1252	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt từ 43 ngày tuổi - xuất chuồng	3134	16:2010/GF BD	
1253	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ từ 18 tuần tuổi	3144	17:2010/GF BD	
1254	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ chạy đồng từ 20 tuần tuổi	3244	18:2010/GF BD	
1255	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt con từ 1 - 21 ngày tuổi	HD 114	19:2010/GF BD	
1256	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt từ 22 - 42 ngày tuổi	HD 124	20:2010/GF BD	
1257	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt từ 43 ngày tuổi - xuất chuồng	HD 134	21:2010/GF BD	
1258	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ từ 18 tuần tuổi	HD 144	22:2010/GF BD	
1259	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ chạy đồng từ 20 tuần tuổi	HD 244	23:2010/GF BD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1260	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ trứng siêu thịt từ 20 tuần tuổi	3154	24:2010/GF BD	
1261	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên LEAN MAX 1 cho heo từ 15kg đến 30kg	9100, 9104	25:2010/GF BD	
1262	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên LEAN MAX - 2 cho heo từ 30kg - 60kg	9200, 9204	26:2010/GF BD	
1263	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên LEAN MAX - 3 cho heo từ 60kg - xuất chuồng	9300, 9304	27:2010/GF BD	
1264	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên cho heo lai kinh tế từ 20kg - 40kg	9420, 9424	28:2010/GF BD	
1265	Thức ăn hỗn hợp dạng viên Winner - 1 cho heo con từ tập ăn đến 8kg	9014	30:2010/GF BD	
1266	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên cho heo lai từ 40kg - xuất chuồng	9430, 9434	30:2010/GF BD	
1267	Thức ăn hỗn hợp cho heo lai từ 40 kg - xuất chuồng	HP430, HP434	31:2010/GFBD	
1268	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên LEAN MAX - 1 cho heo từ 15kg đến 30kg	HP 100, HP 104	32:2010/GF BD	
1269	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên LEAN MAX - 2 cho heo từ 30kg đến 60kg	HP 200, HP 204	33:2010/GF BD	
1270	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên LEAN MAX - 3 cho heo từ 60kg đến xuất chuồng	HP 300, HP 304	34:2010/GF BD	
1271	Thức ăn đậm đặc cho gà thịt thương phẩm từ 1 ngày tuổi - xuất chuồng	1160	35:2010/GF BD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1272	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên Winner - 2 cho heo con từ 8kg - 15kg	9020, 9024	37:2010/GF BD	
1273	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên WINNER - 2 cho heo con từ 8kg đến 15kg	HP 020, HP 024	38:2010/GF BD	
1274	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên cho heo con sau cai sữa WINNER - 3	9030, 9034	39:2010/GF BD	
1275	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên cho heo con sau cai sữa từ 15 đến 30kg	HP 030, HP 034	40:2010/GF BD	
1276	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên PROGESTA cho heo nái mang thai	9040, 9044	41:2010/GF BD	
1277	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên DURA - SOW cho heo nái nuôi con	9050, 9054	42:2010/GF BD	
1278	Thức ăn cho heo đực giống dạng bột/dạng viên SUPER BOAR	9060, 9064	43:2010/GF BD	
1279	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên PROGESTA cho heo nái mang thai	HP 040, HP 044	44:2010/GF BD	
1280	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên DURA-SOW cho heo nai nuôi con	HP 050, HP 054	45:2010/GF BD	
1281	Thức ăn cho heo đực giống dạng bột/dạng viên SUPER BOAR	HP 060, HP 064	46:2010/GF BD	
1282	Thức ăn đậm đặc LEAN MAX CONCENTRATE cho heo thịt từ 15kg đến xuất chuồng	9600	47:2010/GF BD	
1283	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt Sau cai sữa - xuất chuồng	9610	48:2010/GF BD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1284	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt siêu nạc sau cai sữa - xuất chuồng	9630	49:2011/GF BD	
1285	Thức ăn đậm đặc cho heo nái mang thai	9700	50:2010/GF BD	
1286	Thức ăn đậm đặc cho heo nái nuôi con	9800	51:2010/GF BD	
1287	Thức ăn đậm đặc LEAN MAX CONCENTRATE cho heo thịt từ 15kg đến xuất chuồng	HP 600	52:2010/GF BD	
1288	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt Sau cai sữa - xuất chuồng	HP 610	53:2010/GF BD	
1289	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt siêu nạc sau cai sữa - xuất chuồng	HP 630	54:2010/GF BD	
1290	Thức ăn đậm đặc cho heo nái mang thai	HP 700	55:2010/GF BD	
1291	Thức ăn đậm đặc cho heo nái nuôi con	HP 800	56:2010/GF BD	
1292	Thức ăn đặc biệt dạng viên cho heo sau cai sữa đến 30kg - MEDIFEED	MF 99	57:2010/GF BD	
1293	Thức ăn hỗn hợp dạng viên WINNER - 1 cho heo con từ tập ăn đến 8 kg	HP 014	58:2010/GF BD	
1294	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng mảnh cho gà con hướng trứng thương phẩm từ 1 - 8 tuần tuổi	1210, 1212	62:2011/GF BD	
1295	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng mảnh/dạng viên cho gà hậu bị từ 9 - 18 tuần tuổi	1220, 1222, 1224	63:2011/GF BD	
1296	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng mảnh cho gà con hướng trứng thương phẩm từ 1 - 8 tuần tuổi	HC 210, HC 212	64:2011/GF BD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1297	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng mảnh/dạng viên cho gà hậu bị từ 9 - 18 tuần tuổi	HC 220, HC 222, HC 224	65:2011/GF BD	
1298	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ trứng thương phẩm từ 18 tuần tuổi trở lên	HC 240	66:2011/GF BD	
1299	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ trứng thương phẩm từ 18 tuần tuổi trở lên	HC 242	67:2011/GFBD	
1300	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà đẻ trứng thương phẩm từ 18 tuần tuổi trở lên	HC 244	68:2011/GF BD	
1301	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt siêu nạc sau cai sữa - xuất chuồng	9690	69:2011/GFBD	
	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Đặc Khu Hope Việt Nam Địa chỉ: Lô C (C4) KCN Quang Châu, Việt Yên, Bắc Giang Tel: 02403665555			
1302	Thức ăn hỗn hợp cao cấp thế hệ mới cho lợn sữa từ 5 ngày tuổi - 15kg	KHU HOPE - SỮA VÀNG	01: 2010/TQBG	
1303	Thức ăn hỗn hợp cao cấp thế hệ mới cho lợn sữa từ 7 ngày - 25kg	KHU HOPE - 1	02: 2010/TQBG	
1304	Thức ăn hỗn hợp cao cấp thế hệ mới cho lợn từ 15kg - 40kg	KHU HOPE - 2	03: 2010/TQBG	
1305	Thức ăn hỗn hợp siêu nạc thế hệ mới cho lợn từ 30kg trở lên	KHU HOPE - 3	04: 2010/TQBG	
1306	Thức ăn hỗn hợp thế hệ mới cho lợn từ 40kg trở lên	KHU HOPE - 4	05: 2010/TQBG	
1307	Thức ăn hỗn hợp thế hệ mới cho lợn từ 40kg trở lên	KHU HOPE - 5	06: 2010/TQBG	
1308	Thức ăn hỗn hợp thế hệ mới cho lợn nái hậu bị	KHU HOPE - 6	07: 2010/TQBG	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1309	Thức ăn hỗn hợp thế hệ mới cho lợn nái chửa	KHU HOPE - 7	08: 2010/TQBG	
1310	Thức ăn hỗn hợp thế hệ mới cho lợn nái nuôi con	KHU HOPE - 8	09: 2010/TQBG	
1311	Thức ăn đậm đặc cao cấp thế hệ mới cho lợn từ 5kg trở lên	KHU HOPE - 4888	10: 2010/TQBG	
1312	Thức ăn đậm đặc cao cấp thế hệ mới cho lợn từ 5kg trở lên	KHU HOPE - 4788	11: 2010/TQBG	
1313	Thức ăn đậm đặc cao cấp thế hệ mới cho lợn từ 5kg trở lên	KHU HOPE - 4688	12: 2010/TQBG	
1314	Thức ăn đậm đặc cao cấp thế hệ mới cho lợn từ 5kg trở lên	KHU HOPE - 4588	13: 2010/TQBG	
1315	Thức ăn đậm đặc cao cấp thế hệ mới cho lợn từ 5kg trở lên	KHU HOPE - 4488	14: 2010/TQBG	
1316	Thức ăn đậm đặc cao cấp thế hệ mới cho lợn từ 5kg trở lên	KHU HOPE - 4388	15: 2010/TQBG	
1317	Thức ăn đậm đặc cao cấp thế hệ mới cho lợn từ 5kg trở lên	KHU HOPE - 4288	16: 2010/TQBG	
1318	Thức ăn đậm đặc cao cấp thế hệ mới cho lợn nái hậu bị, nái chửa, nái nuôi con	KHU HOPE - 4004	17: 2010/TQBG	
1319	Thức ăn hỗn hợp thế hệ mới cho gà thịt từ 01 - 21 ngày tuổi	KHU HOPE - 5110	18: 2010/TQBG	
1320	Thức ăn hỗn hợp thế hệ mới cho gà thịt từ 21 - 42 ngày tuổi	KHU HOPE - 5111	19: 2010/TQBG	
1321	Thức ăn hỗn hợp thế hệ mới cho gà thịt từ 42 ngày tuổi trở lên	KHU HOPE - 5112	20: 2010/TQBG	
1322	Thức ăn đậm đặc thế hệ mới cho gà thịt từ 01 ngày tuổi trở lên	KHU HOPE - 2222	21: 2010/TQBG	
1323	Thức ăn hỗn hợp thế hệ mới cho gà lông màu từ 01 - 21 ngày tuổi	KHU HOPE - 5110L	22: 2010/TQBG	
1324	Thức ăn hỗn hợp thế hệ mới cho gà lông màu từ 21 - 42 ngày tuổi	KHU HOPE - 5111L	23: 2010/TQBG	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1325	Thức ăn hỗn hợp thế hệ mới cho gà lông màu từ 42 ngày tuổi trở lên	KHU HOPE - 5112L	24: 2010/TQBG	
1326	Thức ăn hỗn hợp thế hệ mới cho gà lông màu từ 1 ngày tuổi trở lên	KHU HOPE - 5000	25: 2010/TQBG	
1327	Thức ăn hỗn hợp thế hệ mới cho gà đẻ hậu bị	KHU HOPE - 5555	26: 2010/TQBG	
1328	Thức ăn hỗn hợp thế hệ mới cho gà đẻ cao sản	KHU HOPE - 6666	27: 2010/TQBG	
1329	Thức ăn hỗn hợp thế hệ mới cho vịt ngan thịt từ 01- 21 ngày tuổi	KHU HOPE - 6111	28: 2010/TQBG	
1330	Thức ăn hỗn hợp thế hệ mới cho vịt ngan thịt từ 21 - 42 ngày tuổi	KHU HOPE - 6112	29: 2010/TQBG	
1331	Thức ăn hỗn hợp thế hệ mới cho vịt ngan thịt từ 42 ngày tuổi trở lên	KHU HOPE - 6113	30: 2010/TQBG	
1332	Thức ăn hỗn hợp thế hệ mới cho vịt ngan thịt từ 01 ngày tuổi trở lên	KHU HOPE - 6000	31: 2010/TQBG	
1333	Thức ăn hỗn hợp thế hệ mới cho vịt ngan đẻ tỷ lệ ≥ 85%	KHU HOPE - 8888	32: 2010/TQBG	
	Công ty Cổ phần Dinh dưỡng quốc tế Đài Trung Địa chỉ: Số 406 khu chung cư Quang Minh, phường Hoàng Văn Thụ, Tp. Bắc Giang, Bắc Giang Điện thoại: 02403.828.966. Fax: 02403.828.966			
1334	Thức ăn hỗn hợp cho heo lai kinh tế từ tập ăn đến 15kg	J.121	01: 2011/ĐT-HL1	
1335	Thức ăn hỗn hợp cho heo lai kinh tế từ 15kg đến 30kg	J.131	02: 2011/ĐT-HL2	
1336	Thức ăn hỗn hợp cho heo lai kinh tế từ 30kg đến xuất	J.141	03: 2011/ĐT-HL3	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1337	Thức ăn hỗn hợp cho heo lai siêu nạc từ tập ăn đến 8kg	J.10	04: 2011/ĐT-HS1	
1338	Thức ăn hỗn hợp cho heo lai siêu nạc từ 8kg đến 20kg	J.11	05: 2011/ĐT-HS2	
1339	Thức ăn hỗn hợp cho heo lai siêu nạc từ 20kg đến 40kg	J.12	06: 2011/ĐT-HS3	
1340	Hỗn hợp cho heo lai siêu nạc từ 40kg đến xuất bán	J.14	07: 2011/ĐT-HS4	
1341	Hỗn hợp cho heo hướng nạc từ tập ăn đến 15kg	J.15	08: 2011/ĐT-HN1	
1342	Hỗn hợp cho heo hướng nạc từ 15kg đến 45kg	J.16	09: 2011/ĐT-HN2	
1343	Hỗn hợp cho heo hướng nạc từ 45kg đến xuất	J.17	10: 2011/ĐT-HN3	
1344	Hỗn hợp cho heo hướng nạc từ 25kg đến xuất	J.18S	11: 2011/ĐT-HN4	
1345	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái chửa	J.511	12: 2011/ĐT-HNC	
1346	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai	J.521	13: 2011/ĐT-HNT	
1347	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con	J.531	14: 2011/ĐT-HNĐ	
1348	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng	J.686	15: 2011/ĐT-ĐĐ	
1349	Hỗn hợp cho gà trắng từ 1 đến 14 ngày	J.01	16: 2011/ĐT-GT1	
1350	Hỗn hợp cho gà trắng từ 15 đến 28 ngày	J.03	17: 2011/ĐT-GT2	
1351	Hỗn hợp cho gà trắng từ 29 đến 42 ngày	J.05	18: 2011/ĐT-GT3	
1352	Hỗn hợp cho gà trắng từ 43 đến xuất	J.07	19: 2011/ĐT-GT4	
1353	Hỗn hợp cho gà lông màu từ 1 đến 28 ngày	J.08	20: 2011/ĐT-GM1	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1354	Hỗn hợp cho gà lông màu từ 29 đến xuất bán	J.09	21: 2011/ĐT-GM2	
1355	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị	J.23	22: 2011/ĐT-GĐ2	
1356	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ siêu trứng	J.24	23: 2011/ĐT-GĐ1	
1357	Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày đến xuất bán	J.231	24: 2011/ĐT-ĐĐG	
1358	Hỗn hợp cho vịt - ngan thịt chạy đồng	J.61	25: 2011/ĐT- VNT	
1359	Hỗn hợp cho vịt thịt từ 1 ngày đến 21 ngày	J.62	26: 2011/ĐT- VT1	
1360	Hỗn hợp cho vịt thịt từ 22 ngày đến xuất bán	J.63	27: 2011/ĐT- VT2	
1361	Hỗn hợp cho vịt - ngan đẻ trên 18 tuần tuổi	J.664	28: 2011/ĐT- VNĐ	
1362	Hỗn hợp cho vịt - ngan siêu đẻ trứng	J.646	29: 2011/ĐT- VNS	
	Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Đất Việt Lô D5, D6 Khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang Điện thoại: 0240.3661385. Fax: 0240.3661387			
1363	Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ tập ăn - xuất chuồng	C100	01:2011/ĐV.BG	
1364	Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ 10kg - xuất chuồng	A100	02:2011/ĐV.BG	
1365	Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ tập ăn - xuất chuồng	D100	03:2011/ĐV.BG	
1366	Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ 10kg - xuất chuồng	S100	04:2011/ĐV.BG	
1367	Thức ăn đậm đặc cho lợn nái chửa & nái nuôi con	E100, 662A	05:2011/ĐV.BG	
1368	Thức ăn đậm đặc cho gà siêu thịt từ 1 ngày tuổi - xuất	F100	06:2011/ĐV.BG	
1369	Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày tuổi - xuất	G100, 777A	07:2011/ĐV.BG	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1370	Thức ăn đậm đặc cho ngan, vịt đẻ trứng	V100	08:2011/ĐV.BG	
1371	Thức ăn hỗn hợp cho lợn con từ tập ăn - cai sữa	E21	09:2011/ĐV.BG	
1372	Thức ăn hỗn hợp cho lợn con tập ăn - 15kg	E19	10:2011/ĐV.BG	
1373	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt siêu nạc từ 15kg - 30kg	E17	11:2011/ĐV.BG	
1374	Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái chửa	E39	12:2011/ĐV.BG	
1375	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt siêu nạc từ 30kg - xuất chuồng	E15	13:2011/ĐV.BG	
1376	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 15kg - 30kg	L17, 881A	15:2011/ĐV.BG	
1377	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 1 - 21 ngày tuổi	G21, 510A	16:2011/ĐV.BG	
1378	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 22 - 42 ngày tuổi	G19, 511A	17:2011/ĐV.BG	
1379	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 43 ngày tuổi - xuất	G16, 512A	18:2011/ĐV.BG	
1380	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 1 - 40 ngày tuổi	GM1, 551A	19:2011/ĐV.BG	
1381	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 41 ngày tuổi - xuất bán	GM2, 552A	20:2011/ĐV.BG	
1382	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng từ 18 tuần tuổi - loại thải	G40	21:2011/ĐV.BG	
1383	Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan thịt từ 1 - 21 ngày tuổi	V19, 331A	22:2011/ĐV.BG	
1384	Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan thịt từ 22 ngày tuổi - xuất bán	V16, 332A	23:2011/ĐV.BG	
1385	Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan thịt từ 1 ngày tuổi - xuất bán	V15, 333A	24:2011/ĐV.BG	
1386	Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan đẻ trứng	V40	25:2011/ĐV.BG	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1387	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị dưới 18 tuần tuổi	G39	26:2011/ĐV.BG	
1388	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 30kg - xuất chuồng	L15, 882A	27:2011/ĐV.BG	
1389	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 10kg - xuất chuồng	L13, 883A	29:2011/ĐV.BG	
1390	Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái nuôi con và cho con bú	E40	30:2011/ĐV.BG	
1391	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 1 ngày tuổi - xuất chuồng	LM3	31:2011/ĐV.BG	
1392	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 20kg - 50kg	TURBO 888	32:2011/ĐV.BG	
1393	Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ tập ăn - xuất chuồng	A150S	33:2011/ĐV.BG	
1394	Thức ăn hỗn hợp cho lợn con từ 7kg - 15kg	880A	36:2011/ĐV.BG	
	Công ty TNHH Hải Sơn Địa chỉ: Số 22A, thị trấn Vôi, Lạng Giang, Bắc Giang Tel: 02402213320. Fax: 02403638262			
1395	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn lai từ tập ăn đến 15kg	Hasaco 8888	HSBG20/06	
1396	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn lai từ 15kg đến 30kg	Hasaco 9999	HSBG21/06	
1397	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn lai từ 30kg đến 60kg	Hasaco 1000	HSBG22/06	
1398	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn lai từ 30kg đến xuất chuồng	Hasaco 2000	HSBG23/06	
1399	Thức ăn hỗn hợp dạng viên/ mảnh dùng cho gà lông màu từ 01 ngày tuổi đến 40 ngày tuổi	Gà vàng 01	HSBG24/06	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1400	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà lông màu từ 41 ngày tuổi đến xuất bán	Gà vàng 02	HSBG25/06	
1401	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt, ngan con từ 01 ngày tuổi đến 21 ngày tuổi	Vịt, ngan 1818	HSBG26/06	
1402	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt, ngan từ 22 ngày tuổi đến xuất bán	Vịt, ngan 1819	HSBG27/06	
1403	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt, ngan đẻ	Vịt, ngan đẻ 2020	HSBG28/06	
	Chi nhánh Chế biến lương thực & Thức ăn chăn nuôi Địa chỉ: Đường Tân Ninh, phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, Bắc Giang Điện thoại: 0240.3854455; Fax: 0240.3854631			
1404	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt từ 6kg - xuất chuồng	M.151	01:2001/CNCBLT &TACN	
1405	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt từ 6kg - xuất chuồng	M.152	02:2001/CNCBLT &TACN	
1406	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt vỗ béo	M.153	03:2001/CNCBL T&TACN	
1407	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn nái	M.154	04:2001/CNCBLT &TACN	
1408	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt từ 10 - 30kg	Lợn 1	05:2001/CNCBLT &TACN	
1409	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt từ 30kg - xuất	Lợn 2	06:2001/CNCBLT &TACN	
1410	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà thịt từ 1 ngày tuổi - xuất	M.501	07:2001/CNCBLT &TACN	
1411	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 1 - 21 ngày tuổi	M.502	08:2001/CNCBLT &TACN	
1412	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 22 - 42 ngày tuổi	M.503	09:2001/CNCBLT &TACN	
1413	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 43 - xuất	M.504	10:2001/CNCBLT &TACN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1414	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà lông màu từ 1 - 35 ngày	M.505	11:2001/CNCBLT &TACN	
1415	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà lông màu từ 36 ngày xuất	M.506	12:2001/CNCBLT &TACN	
1416	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt thịt từ 1 - 21 ngày	M.701	14:2001/CNCBLT &TACN	
1417	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt thịt từ 22 - 42 ngày	M.702	15:2001/CNCBLT &TACN	
1418	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt thịt từ 43 - xuất	M.703	16:2001/CNCBLT &TACN	
1419	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ siêu trứng	M.704	17:2001/CNCBLT &TACN	
1420	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt siêu nạc từ tập ăn - xuất	X 011	21:2001/CNCBLT &TACN	
1421	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt siêu nạc từ tập ăn - xuất	X 002	22:2001/CNCBLT &TACN	
1422	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt từ tập ăn - xuất	X 033	24:2001/CNCBLT &TACN	
1423	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt siêu nạc từ 10 - 35kg	X 055	25:2001/CNCBLT &TACN	
1424	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt siêu nạc từ 35kg - xuất	X 066	26:2001/CNCBLT &TACN	
1425	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn nái mang thai & nuôi con	X 007	27:2001/CNCBLT &TACN	
1426	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà thịt từ 1 ngày - xuất	X 101	28:2001/CNCBLT &TACN	
1427	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 1 - 21 ngày tuổi	X 102	29:2001/CNCBLT &TACN	
1428	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 22 - 42 ngày tuổi	X 103	30:2001/CNCBLT &TACN	
1429	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 43 ngày - xuất	X 104	31:2001/CNCBLT &TACN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1430	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt từ 6kg - xuất chuồng	L111	31:2001/CNCBLT &TACN	
1431	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt lông màu từ 1 - 35 ngày tuổi	X 105	32:2001/CNCBLT &TACN	
1432	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt từ tập ăn - xuất chuồng	L112	32:2001/CNCBLT &TACN	
1433	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt lông màu từ 36 ngày - xuất	X 106	33:2001/CNCBLT &TACN	
1434	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt vỗ béo	L113	33:2001/CNCBLT &TACN	
1435	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà đẻ siêu trứng	X 108	34:2001/CNCBLT &TACN	
1436	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn nái	L114	34:2001/CNCBLT &TACN	
1437	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt thịt từ 1 - 21 ngày	X 201	35:2001/CNCBLT &TACN	
1438	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt từ 10 - 30kg	L115	35:2001/CNCBLT &TACN	
1439	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt thịt từ 22 ngày - xuất	X 202	36:2001/CNCBLT &TACN	
1440	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt từ 30kg - xuất	L116	36:2001/CNCBLT &TACN	
1441	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ siêu trứng	X 204	37:2001/CNCBLT &TACN	
1442	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà thịt từ 1 ngày tuổi - xuất	G. 121	37:2001/CNCBLT &TACN	
1443	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt thịt từ 22 ngày - xuất	X 205	38:2001/CNCBLT &TACN	
1444	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 1 - 21 ngày tuổi	G. 122	38:2001/CNCBLT &TACN	
1445	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 22 - 42 ngày tuổi	G. 123	39:2001/CNCBLT &TACN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1446	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 43 - xuất	G. 124	40:2001/CNCBLT &TACN	
1447	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà lông màu từ 1 - 35 ngày	G. 125	41:2001/CNCBLT &TACN	
1448	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà lông màu từ 36 ngày xuất	G. 126	42:2001/CNCBLT &TACN	
1449	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà đẻ siêu trứng	G. 127	43:2001/CNCBLT &TACN	
1450	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt thịt từ 1 - 21 ngày	v. 131	44:2001/CNCBLT &TACN	
1451	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt thịt từ 22 - 42 ngày tuổi	v. 132	45:2001/CNCBLT &TACN	
1452	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt thịt từ 43 - xuất	v. 133	46:2001/CNCBLT &TACN	
1453	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ siêu trứng	v. 134	46:2001/CNCBLT &TACN	
	Công ty TNHH Thịnh Đức Địa chỉ: Tâm Tầng, Quang Châu, Việt Yên, Bắc Giang Điện thoại: 0240.3868091. Fax: 0240.3868091			
1454	Thức ăn đậm đặc dùng cho lợn từ tập ăn đến xuất bán	GF134	01:2011TĐ/BG	
1455	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn từ 20kg đến xuất bán	GF554	013:2011 TĐ/BG	
1456	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà lông màu từ 21 ngày đến xuất bán	VU102	02:2011 TĐ/BG	
1457	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn từ 15 đến 30kg	VU121	03:2011 TĐ/BG	
1458	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn từ 15 đến 30kg	GF 222	04:2011 TĐ/BG	
1459	Thức ăn đậm đặc dùng cho lợn từ tập ăn đến xuất bán	VU1710	07:2004/TĐ.BG	
1460	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan từ 28 ngày đến xuất bán	VU104	07:2011 TĐ/BG	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1461	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà từ 01 ngày tuổi đến xuất bán	GF 200	TĐ.135/VU2002	
1462	Thức ăn đậm đặc dùng cho lợn nái	VU20	TĐ.BG 02/03	
1463	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà lông màu từ 01 - 21 ngày	VU101	TĐ.BG 06.08	
1464	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà từ 01 ngày tuổi đến xuất bán	VU100	TĐ.BG 06/03	
1465	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn từ 30kg đến xuất bán	VU 125	TĐ.BG 18/08	
1466	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan từ 01 - 28 ngày tuổi	VU103	TĐ.BG 21/08	
1467	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn từ 7 ngày tuổi đến 20kg	GF 221	TĐ.BG 23/09	
1468	Thức ăn đậm đặc dùng cho lợn từ tập ăn đến xuất bán	G7	TĐ.BG 25/09	
1469	Thức ăn đậm đặc dùng cho lợn từ tập ăn đến xuất bán	X9	TĐ.BG 25/09	
1470	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn từ 7 ngày tuổi đến 20kg	VU 145	TĐ.BG 25/09	
1471	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn từ 30kg đến xuất bán	GF 223	TĐ.BG 26/09	
1472	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà lông màu từ 01 - 21 ngày	GF 441	TĐ.BG 27/09	
1473	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà lông màu từ 21 ngày đến xuất bán	GF 442	TĐ.BG 28/09	
1474	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan từ 01 - 28 ngày tuổi	GF 331	TĐ.BG 29/09	
1475	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan từ 28 ngày đến xuất bán	GF 332	TĐ.BG 30/09	
1476	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn từ 30 kg đến xuất bán	GF 224	TĐ.BG 33/09	
1477	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà gột	GF 440	TĐ.BG 34/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1478	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà gột	VU 101A	TĐ.BG 34/09	
1479	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn từ 20kg đến xuất bán	VU668	TĐ.BG 34/10	
1480	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn từ 30kg đến xuất bán	VU122	TĐ/BG/18/08	
	Công ty TNHH Vimark Địa chỉ: Lô D7, KCN Đình Trám, Việt Yên, Bắc Giang Điện thoại: 0240.3559218. Fax: 0240.3559220			
1481	Thức ăn chăn nuôi đậm đặc cho lợn thịt từ tập ăn đến xuất chuồng	3G	01:2011/VM BG	
1482	Thức ăn chăn nuôi đậm đặc cho lợn thịt siêu nạc từ tập ăn đến xuất chuồng	M-559, O-25, 9650	02:2011/VM BG	
1483	Thức ăn chăn nuôi đậm đặc cho lợn thịt từ tập ăn đến xuất chuồng	M-555, M-557, O-10	03:2011/VM BG	
1484	Thức ăn chăn nuôi đậm đặc cho gà thịt từ 01 ngày tuổi đến xuất bán	M-521, O-22	04:2011/VM BG	
1485	Thức ăn chăn nuôi đậm đặc cho lợn nái chửa và nái nuôi con	M-504, O-44	05:2011/VM BG	
1486	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp đặc biệt cho lợn con từ tập ăn đến 15kg	N-88, O-88	06:2011/VM BG	
1487	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cho lợn siêu nạc từ 12kg đến 40kg	N-82, 151-S, SN-20	07:2011/VM BG	
1488	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cho lợn siêu nạc từ 41kg đến 80kg (hoặc) xuất chuồng	N-83, 181-S, SN-50	08:2011/VM BG	
1489	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cho lợn thịt lai F1, F2 từ 15kg đến 30kg	N-85, F-101	09:2011/VM BG	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1490	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cho lợn thịt lai F1, F2 từ 31kg đến xuất chuồng	N-86, F-102	10:2011/VM BG	
1491	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cho lợn nái chửa và nuôi con	N-84, F-104	11:2011/VM BG	
1492	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cho lợn thịt lai thường từ 31kg đến xuất chuồng	N-189, F-131	12:2011/VM BG	
1493	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 01 ngày đến 14 ngày tuổi	G-14, T-414	13:2011/VM BG	
1494	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 15 ngày đến 28 ngày tuổi	G-28, T-415	14:2011/VM BG	
1495	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 29 ngày tuổi đến xuất bán	G-45, T-416	15:2011/VM BG	
1496	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cho gà lông màu từ 01 ngày đến 22 ngày tuổi	G-71, T-228, 662-C	16:2011/VM BG	
1497	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cho gà lông màu từ 23 ngày tuổi đến xuất bán	G-72, T-229, 882-C	17:2011/VM BG	
1498	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cho vịt, ngan thịt từ 1 đến 21 ngày tuổi	G-74, T-321	18:2011/VM BG	
1499	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cho vịt, ngan thịt từ 22 ngày tuổi - xuất bán	G-75, T-322	19:2011/VM BG	
1500	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cho vịt, ngan thịt vỗ béo	G-77, T-323	20:2011/VM BG	

(Xem tiếp Công báo số 435 + 436)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng